CHIA SẺ KINH NGHIỆM VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ CÁCH LÀM NÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

Hội nghị Bộ trưởng Nông Lâm nghiệp ASEAN (AMAF) lần thứ 40; Hội nghị Bộ trưởng Nông Lâm nghiệp ASEAN+3 (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc), lần thứ 18; Hội nghị Bộ trưởng ASEAN - Trung Quốc lần thứ 6 về chủ đề An toàn kiểm dịch động thực vật diễn ra từ ngày 8/10/2018 và đã kết thúc ngày 13/10/2018 với chuyến tham quan thực địa tại tỉnh Ninh Bình.

Đây là dịp để các Bộ trưởng Nông Lâm nghiệp ASEAN và các đại biểu trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về mô hình xây dựng nông thôn mới và cách làm nông nghiệp tại Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chủ tịch Hội nghị Bộ trưởng Nông Lâm nghiệp ASEAN Nguyễn Xuân Cường dẫn đầu đoàn tham quan.

Đoàn các Bộ trưởng Nông Lâm nghiệp ASEAN đã về thăm huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình - nơi cuối năm này sẽ được công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Tại đây, các đại biểu được Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình Đinh Văn Điến thông tin về những kết quả đã đạt được trong quá trình thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của địa phương; Đặc biệt là việc tập trung nguồn lực để xây dựng các xã nông thôn mới kiểu mẫu. Đi qua các xã Khánh Cường, Khánh Nhạc, Khánh Trung, Khánh Thiện... hình ảnh nổi bật được các đại biểu ghi nhận là cơ sở hạ tầng, diện mạo nông thôn đã có thay đổi rõ nét với những con đường bê tông hóa, cống rãnh tiêu thoát nước, hệ thống chiếu sáng, trồng cây xanh và hoa rực rỡ ven các trục đường, các trường học, trạm y tế, nhà văn hóa... khang trang, sạch sẽ.

Xã Khánh Tiên là một trong những nơi thực hiện tốt việc huy động sức dân trong xây dựng nông thôn mới. Ngoài việc phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, dồn điền đổi thửa gắn với chỉnh trang đồng ruộng có hiệu quả; Địa phương còn đẩy mạnh phát triển đa dạng ngành nghề sản xuất, đồng thời người dân đã làm chủ cả đời sống vật chất và đời sống tinh thần.

Diện mạo nông thôn thay đổi với những con đường bê tông sạch đẹp

Chia sẻ về vấn đề được các đại biểu rất quan tâm đó là nguồn lực xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam, Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường cho biết: 1 đồng ngân sách bỏ ra thu được 10 đồng vốn từ xã hội và nông dân đóng góp để xây dựng nông thôn mới. Với phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ", bên cạnh 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới được đề ra, Ninh Bình quy định thêm tiêu chí số 20 về "Ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân" để xem xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Theo đó, chỉ khi đạt từ 90% trở lên số phiếu nhất trí đồng tình của người dân thì địa phương mới được xem là đủ điều

Nhà văn hóa xã Khánh Tiên là một trong nhiều nhà văn hóa xã của huyện Yên Khánh được xây dựng quy mô và khang trang

☞

kiện để xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Xã Khánh Tiên là xã có 95% người dân hài lòng về nông thôn mới.

Trao đổi với các đại biểu, Bộ trưởng Bộ Nông Lâm nghiệp Lào, Lien Thikeo nhận định: Phát triển nông nghiệp ở Việt Nam rất tốt, rất cụ thể, đặc biệt là lãnh đạo địa phương đã chỉ đạo chặt chẽ nên đạt được kết quả cao.

Bộ trưởng Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Vương quốc Campuchia, Veng Sakhon cho rằng: Các quốc gia có chung biên giới cần học hỏi lẫn nhau cả về phương pháp lẫn mô hình. Ở Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tích hợp được cả phát triển nông nghiệp - nông thôn, còn ở Campuchia, hiện có 4 Bộ phụ trách lĩnh vực này nên sẽ khó quản lý và thúc đẩy nông nghiệp - nông thôn phát triển. Sau chuyến đi này, chúng tôi sẽ thay đổi.

Trong chuyến tham quan, nước chủ nhà Việt Nam còn chia sẻ về chính sách để thu hút sự đầu tư của các doanh nghiệp. Tại Ninh Bình, Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành chế biến và xuất khẩu rau quả. Hiện doanh nghiệp đã xuất khẩu nông sản tới trên 40 thị trường, trong đó có các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật, EU, Hàn Quốc… Thông qua đây, các đại biểu đánh giá rất cao chính sách thu hút doanh nghiệp và chính sách doanh nghiệp đầu tư của Việt Nam để phát triển các chuỗi giá trị ngành hàng nông sản, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, gia tăng giá trị hàng hóa, góp phần thúc đẩy nông sản ASEAN tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Đối với các quốc gia ASEAN, nông nghiệp đóng vai trò cốt lõi trong phát triển kinh tế, ổn định chính trị và xã hội của từng quốc gia thành viên và các đối tác trong khu vực. Đây được coi là bệ đỡ của nền kinh tế giúp các nước vượt qua nhiều biến động và khủng hoảng, góp phần quan trọng đảm bảo an ninh lương thực và phát triển bền vững. Vì vậy, hợp tác nông lâm nghiệp vẫn luôn là nội dung then chốt của Cộng đồng kinh tế ASEAN. Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong tiến trình hợp tác, thời gian tới nông nghiệp ASEAN sẽ trở thành ngành kinh tế có sức cạnh tranh, góp phần ổn định và nâng cao đời sống cho người dân trong khu vực■

THU HẰNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP CHUYÊN ĐỀ:

*"GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÂY MÍA BỀN VỮNG CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC"

Đó là chủ đề diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp được Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang tổ chức ngày 27 - 28/9/2018 tại tỉnh Tuyên Quang.

Những năm gần đây, ngành mía đường nước ta đã đạt được nhiều kết quả, góp phần quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đường trong nước. Niên vụ 2017-2018, diện tích mía của cả nước đạt 274.300 ha (tăng 6.000 ha so với năm 2016), năng suất bình quân đạt 65,1 tấn/ha (tăng 0,3 tấn/ha so với năm 2016). Trong đó, diện tích mía đường nguyên liệu đạt 254.943 ha, năng suất đạt 63,9 tấn/ha, tổng sản lượng đạt gần 18 triệu tấn (tăng 500.000 tấn so với năm 2016). Ở miền Bắc có 2 vùng mía nguyên liệu chính, đó là vùng Trung du miền núi phía Bắc (35.500 ha), sản lượng đạt 2 triệu tấn và vùng Bắc Trung Bộ (xấp xỉ 54.000 ha), sản lượng đạt 3 triệu tấn.

TS. Trần Văn Khởi - Quyền. Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia khẳng định: Miền núi phía Bắc là vùng có lợi thế trung bình trong việc phát triển vùng nguyên liệu mía nhưng có vai trò rất quan trọng, là thế mạnh của vùng, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho nông hộ. Tuy nhiên, hiện nay, diện tích trồng

Toàn cảnh diễn đàn

mía giảm, năng suất còn thấp, giá thành sản xuất cao, sức cạnh tranh giảm, ảnh hưởng đến doanh nghiệp và người trồng mía.

Ông Nguyễn Công Hàm, PGĐ. Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang cho biết: Hiện nay, vùng nguyên liệu của tỉnh có khoảng 16 loại giống mía có nguồn gốc từ Đài Loan, Trung Quốc, Cu Ba và Thái Lan, trong đó chủ yếu là các giống ROC10, ROC22, Việt đường 00236, Quế đường 42 và My 5514. Tuy nhiên, việc bố trí cơ cấu giống chưa hợp lý, tỷ lệ mía chín sớm còn nhiều, chiếm 87%. Về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đã thực hiện trong khâu giống, cải tiến phương thức làm đất, bón phân, thời vụ thu hoạch, ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm... Tại Trung tâm giống của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương đang trồng thử nghiệm tập đoàn mía giống trên 30 giống để làm cơ sở lựa chọn bộ giống tốt, phục vụ phát triển vùng nguyên liệu mía tại địa phương.

Về giống mía, TS. Lê Quang Tuyền - Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu mía đường đã giới thiệu một số giống có triển vọng, năng suất, hàm lượng đường cao, chống chịu được sâu bệnh phù hợp với vùng miền núi phía Bắc như giống KK3, LK92-11, K95-84, K95-156, Uthong 12, K88-92, ... để bà con có thể tham khảo, áp dụng. Đồng thời hướng dẫn công nghệ nhân giống mía nhằm nâng cao chất lượng hom giống.

Qua phần trao đổi của các đại biểu được biết, trong thực tế, bà con còn chưa tuân thủ quy trình sản xuất mía như: sử dụng giống nhiễm bệnh, hom giống tận dụng từ ngọn mía vụ 3, 4; đầu tư phân bón chưa đủ định mức; làm đất không bảo đảm độ tơi xốp; trồng mía trên đồi có độ dốc quá lớn; phòng trừ sâu bệnh không kịp thời, công tác chăm sóc mía, nhất là chăm sóc mía lưu gốc còn muộn và không đúng kỹ thuật... Đây là nguyên nhân quan trọng làm ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng mía. Ông Lê Văn Khánh, hộ trồng mía ở xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang chia sẻ: Người trồng mía hiện nay thu nhập còn thấp do thiếu giống mía mới chất lượng cao, chưa áp dụng cơ giới hóa nên giá nhân công lao động làm đất, trồng và thu hoạch mía ngày càng tăng, dẫn đến giá thành tăng.

Các đại biểu tham quan mô hình trồng thâm canh mía nguyên liệu tại huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang

Về sâu bệnh hại mía cũng có xu hướng gia tăng và diễn biến khó lường bởi các đối tượng sâu bệnh hại như bệnh than, rệp bông trắng, sâu đục thân, bọ trĩ, bọ hung... nhưng người trồng mía lại không có biện pháp hữu hiệu để phòng chống mà lại sử dụng biện pháp hóa học quá nhiều nên đã làm mất cân bằng sinh thái, làm tăng chi phí và ảnh hưởng đến năng suất mía.

Với nhiều thông tin về tình hình sản xuất mía được các đại biểu trao đổi, chia sẻ và tư vấn tại diễn đàn cũng như tại mô hình tham quan, TS. Trần Văn Khởi đã tổng kết và đưa ra một số giải pháp để phát triển cây mía bền vững ở vùng miền núi phía Bắc, cụ thể như sau:

- Áp dụng nhanh tiến bộ kỹ thuật mới, đặc biệt là giống mới, chú ý sản xuất rải vụ trong vùng nguyên liệu. Tăng cường đưa cơ giới hóa, đặt biệt là khâu tưới nước trong vùng có nguồn nước.

- Phòng trừ sâu bệnh theo dự báo.

- Tăng cường năng lực sản xuất cho người nông dân thông qua tập huấn, thông tin tuyên truyền...

* Để thực hiện được những giải pháp đó, đề nghị:

- Trung tâm khuyến nông các tỉnh liên tục phổ biến tiến bộ kỹ thuật, các giống mới, tăng cường tổ chức tập huấn, hội thảo, tư vấn cho nông dân trong vùng trồng mía ở tất cả các cấp từ tỉnh đến xã.

- Viện Nghiên cứu Mía đường tiếp tục nghiên cứu, chọn tạo giống có triển vọng phù hợp với miền Bắc để sớm chuyển giao và nhân rộng, trong phạm vi dự án khuyến nông trung ương cần phối hợp với các công ty mía đường để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về giống mới.

- Người trồng mía cần mạnh dạn thay đổi tập quán sản xuất, ứng dụng đồng bộ và tuân thủ quy trình tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, chấp hành tốt liên kết hợp đồng với nhà máy sao cho hài hòa lợi ích hai bên để ổn định sản xuất.

Hy vọng rằng trong tương lai ngành mía đường cả nước nói chung và vùng Trung du miền núi phía Bắc nói riêng sẽ khai thác tốt lợi thế đất đai, điều kiện tự nhiên của từng địa phương, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, áp dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật để phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, từng bước hướng tới thị trường xuất khẩu, góp phần thực hiện được mục tiêu Đề án phát triển mía đường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề ra■

THU HẰNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

*"CÔNG NGHỆ XỬ LÝ PHỤ PHẨM NÔNG NGHIỆP LÀM THỨC ĂN CHO GIA SÚC TẠI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG"

Để giúp người chăn nuôi gia súc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nhằm xử lý phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho gia súc tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả cho người chăn nuôi, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh An Giang tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp chủ đề: "Công nghệ xử lý phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho gia súc tại vùng đồng bằng sông Cửu Long".

Diễn đàn có sự tham dự 250 đại biểu, trong đó 170 nông dân chăn nuôi gia súc đến từ 5 tỉnh: An Giang, Sóc Trăng, Bến Tre, Trà Vinh và Vĩnh Long. Đông đảo các cơ quan báo chí trung ương và địa phương đến dự và đưa tin.

Diễn đàn đã nghe 05 báo cáo của Cục Chăn nuôi, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Trung tâm Công nghệ sinh học thuộc Phân Viện Chăn nuôi Nam Bộ, Trường Đại học An Giang và Trung tâm Khuyến nông An Giang. Qua đó, đại biểu đã được giới thiệu về: Tình hình sản xuất và định hướng phát triển ngành công nghiệp thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam; Một số giải pháp và mô hình chế biến phế phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi tại Nam Bộ; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi tại đồng bằng sông Cửu Long; Kết quả Dự án "Sản xuất, chế biến và bảo quản thức ăn thô cho đại gia súc thích ứng với tình hình hạn hán, ngập mặn" và tình hình sử dụng phụ phẩm trong nông nghiệp và giải pháp phát triển tại An Giang.

Tại diễn đàn, các đại biểu đã trao đổi và thảo luận về các giải pháp, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong xử lý phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho gia súc. Một số công nghệ như: Xử lý rơm bằng các giải pháp như ủ rơm khô dạng cuộn với urê trong túi nilon, ủ rơm tươi với urê theo phương pháp đóng bánh; Ủ chua thức ăn xanh với rỉ mật, cám muối, giải pháp ủ chua thức ăn xanh dùng men vi sinh. …. đã giúp cải thiện thành phần dinh dưỡng của phế phụ phẩm; Tăng lượng ăn vào và khả năng tiêu hóa, hấp thu của gia súc; Giảm ảnh hưởng của độc tố trong phế phụ phẩm; Giúp người chăn nuôi dự trữ nguồn thức ăn, khắc phục tính thời vụ của cây trồng, đảm bảo đáp ứng quanh năm nguồn thức ăn cho gia súc; Góp phần hạ giá thành, tăng lợi nhuận cho người chăn nuôi. Đã có 50 câu hỏi được các đại biểu được Ban chủ tọa, Ban cố vấn của Diễn đàn trả lời thỏa đáng.

Trong khuôn khổ diễn đàn, các đại biểu đã tham quan mô hình trang trại nuôi dê, sử dụng phụ phế phẩm nông nghiệp làm thức ăn tại hộ ông Phó Văn Tới ở xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Nguồn phế phụ phẩm mà ông sử dụng hàng ngày cho đàn dê là bã bia, rau muống khô, vỏ trái lạc đã luộc chín, lá mít; thân, lá chuối và cỏ VA06 thái nhỏ. Với quy mô 450 con dê, hàng năm đã mang về lợi nhuận cho trang trại khoảng 400 triệu đồng.

Kết luận tại diễn đàn, TS. Hạ Thúy Hạnh - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đề nghị:

Đối với Cục Chăn nuôi, đề xuất qui hoạch vùng trồng cây thức ăn, giải pháp sử dụng tối ưu nguồn thức ăn tại chỗ ở các vùng miền.

Đề nghị các Viện Nghiên cứu, các Trường Đại học tiếp tục nghiên cứu và tài liệu hóa các qui trình xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi. Nghiên cứu các giải pháp về cơ giới hóa, vi sinh, vật lý trong chế biến phế phụ phẩm nông nghiệp hiệu quả, phù hợp, các phần mềm quản lý thức ăn, cân đối khẩu phần chăn nuôi, giảm phát thải nhà kính.

Các đại biểu tham quan trang trại nuôi dê tại hộ ông Phó Văn Tới, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

Đối với Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, tăng cường hỗ trợ các chương trình chăn nuôi có xử dụng phế phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn.

Đối với Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, cần tăng cường chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng chương trình đào tạo, thông tin tuyên truyền về xử dụng phế phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho gia súc tại địa phương■

NGUYỄN VĂN BẮC
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

*"GIẢI PHÁP CHĂN NUÔI ĐẠI GIA SÚC THEO CHUỖI AN TOÀN THỰC PHẨM VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC"

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại tỉnh Hòa Bình, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hòa Bình tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp, chủ đề: "Giải pháp chăn nuôi đại gia súc theo chuỗi an toàn thực phẩm vùng Trung du miền núi phía Bắc". Phó Giám đốc. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia - Hạ Thúy Hạnh và Giám đốc. Sở Nông nghiệp và PTNT Hòa Bình - Trần Văn Tiệp đồng chủ trì diễn đàn.

Ban cố vấn trực tiếp giải đáp câu hỏi của bà con nông dân tại diễn đàn

Vùng Trung du miền núi phía Bắc với lợi thế đất đai rộng, có nhiều đồng cỏ tự nhiên, là điều kiện thuận lợi để người dân phát triển chăn nuôi đại gia súc. Tại nhiều địa phương, chăn nuôi đại gia súc đã và đang trở thành ngành kinh tế mang lại thu nhập cao cho người dân, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn. Ước tính đến tháng 8 năm 2018, toàn vùng có tổng đàn bò chiếm 17,5%, đàn trâu chiếm gần 57%, đàn dê chiếm gần 35% và đàn ngựa chiếm 88,6% tổng đàn của cả nước. Tổng sản lượng thịt đạt khoảng hơn 500 nghìn tấn/năm. Tuy nhiên, chăn nuôi đại gia súc của vùng vẫn chưa phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có, đó là do: Sản xuất quy mô nhỏ lẻ, phân tán, khó áp dụng công nghệ cao nên năng suất thấp (80% đàn trâu, bò nuôi theo phương thức quảng canh, chăn thả tự do); Giá thức ăn, giá nguyên liệu có nhiều biến động và chiếm thị phần lớn trong chăn nuôi, con giống kém chất lượng do chủ yếu nuôi giống địa phương; Liên kết sản xuất chưa phát triển, chưa hình thành vùng nguyên liệu chăn nuôi; Nhận thức của người tiêu dùng chưa cao, chưa tạo được thói quen về nguồn gốc xuất xứ và sản phẩm động vật; Hệ thống giết mổ và chế biến còn lạc hậu, chưa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm khiến chất lượng sản phẩm trở nên đáng lo ngại.

Phát biểu và trao đổi tại diễn đàn, 59 câu hỏi của các đại biểu đa số đều tập trung vào các nội dung: công tác cải tạo và nâng cao chất lượng con giống, kỹ thuật chăn nuôi - trong đó có kỹ thuật nuôi vỗ béo bò, cách phòng trừ dịch bệnh, chính sách hỗ trợ phát triển ngành chăn nuôi, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, cách tổ chức sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm và thay đổi cách tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi của người tiêu dùng hiện nay.

Ông Trần Văn Tiệp, Giám đốc. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hòa Bình nhấn mạnh: Tại địa phương, chăn nuôi đại gia súc được xác định là định hướng ưu tiên, trong đó phát triển trâu, bò thịt là chủ yếu. Vì vậy, phát triển chăn nuôi là trọng điểm trong kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh. Hiện Hòa Bình đang mở rộng và thu hút đầu tư của các doanh nghiệp vào phát triển lĩnh vực này.

Với những nội dung được các đại biểu trao đổi tại diễn đàn, thay mặt chủ tọa diễn đàn, TS. Hạ Thúy Hạnh đề nghị:

- Cục Chăn nuôi có chính sách hỗ trợ để nhập giống trâu, bò, dê, cừu, ngựa cao sản để phát triển, nhân rộng, cải tạo đàn giống tại các địa phương trong vùng miền núi phía Bắc. Quy hoạch vùng nguyên liệu, gắn với cơ sở giết mổ, chế biến công nghiệp, an toàn dịch bệnh với thị trường tiêu thụ. Quy hoạch vùng trồng cây làm thức ăn cho gia súc, đặt biệt tập trung vào cây ngô, cây cỏ có giá trị, năng suất cao.

- Viện Chăn nuôi nghiên cứu quy trình chăn nuôi phù hợp với vùng Trung du miền núi phía Bắc. Tài liệu hóa các quy trình chăn nuôi, quy trình phối trộn, cân đối khẩu phần thức ăn cho chăn nuôi gia súc. Cải tạo và nâng cao chất lượng các giống đại gia súc thích nghi với vùng. ☞

- Viện Chính sách, Chiến lược và Phát triển nông nghiệp nông thôn tư vấn và hướng dẫn người sản xuất về chuỗi chăn nuôi (liên kết dọc và lên kết ngang), phối hợp tư vấn xây dựng nông thôn mới gắn với chuỗi sản xuất chăn nuôi.

- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh ưu tiên đầu tư phát triển chăn nuôi, xây dựng các chuỗi chăn nuôi hiệu quả. Quy hoạch vùng chăn nuôi và vùng trồng trồng cây làm thức ăn phù hợp nhằm tạo cơ sở chăn nuôi lâu dài, bền vững. Tận dụng tối đa nguồn nhân lực của hệ thống khuyến nông trong công tác xây dựng mô hình, xây dựng chuỗi liên kết chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

- Trung tâm khuyến nông các tỉnh xây dựng chương trình khuyến nông phù hợp với tái cơ cấu ngành chăn nuôi của từng địa phương, xây dựng mô hình phù hợp với lợi thế từng vùng. Tăng cường công tác đào tạo, cho cán bộ khuyến nông cấp huyện về kỹ năng xây dựng chuỗi sản xuất nông nghiệp,thông tin tuyên truyền các mô hình hay và hiệu quả.

- Trung tâm Khuyến nông Quốc gia: Cam kết xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật mới về chăn nuôi đại gia súc, đặc biệt là định mức kỹ thuật về xây dựng chuỗi sản xuất nông nghiệp, chuỗi chăn nuôi an toàn thực phẩm. Đề xuất chương trình khuyến nông trung ương về chuỗi chăn nuôi an toàn thực phẩm; đồng thời tăng cường công tác đào tạo, thông tin tuyên truyền liên quan đến chăn nuôi theo chuỗi■

THU HẰNG - QUẢNG BÌNH
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Nhằm giúp bà con nông dân tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, hướng tới một nền nông nghiệp có thương hiệu, có khả năng cạnh tranh trong quá trình hội nhập, ngày 12 tháng 10 năm 2018, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp chủ đề "Xây dựng thương hiệu nông sản sạch".

Diễn đàn đã thu hút sự tham gia của 235 đại biểu, trong đó có đông đảo nông dân đến từ 5 tỉnh phía Bắc: Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hòa Bình, Thái Nguyên và Phú Thọ. Phát biểu tại diễn đàn, ông Trần Văn Khởi - Q. Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia cho biết, sau 5 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp, sản xuất trong nông nghiệp đã đạt được những thành tựu nổi bật, sản lượng các mặt hàng nông sản đều tăng. Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, trong tháng 9/2018, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thuỷ sản ước đạt 3,37 tỷ USD, tăng 9,93% so với cùng kỳ. Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 29,54 tỷ USD vượt 1,3% mục tiêu đã đề ra.

Sản xuất nông nghiệp thời gian qua mặc dù đạt được nhiều thành tựu nhưng còn rất nhiều khó khăn. Một trong những vấn đề hiện nay là chuỗi giá trị nông sản còn ít và ngắn, giá trị gia tăng trong chuỗi còn thấp. Để phát triển chuỗi giá trị nông sản bền vững, nâng cao giá trị gia tăng thì sản xuất phải đảm bảo an toàn thực phẩm, nông sản được truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu sản phẩm. Tuy nhiên, theo Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, đến nay, 90% nông sản của Việt Nam vẫn xuất khẩu dưới dạng thô, giá xuất khẩu thấp hơn các sản phẩm cùng loại của nhiều nước khác. Tại thị trường trong nước, chỉ có khoảng 20% nông sản Việt Nam được đăng ký thương hiệu, vẫn còn hơn 80% nông sản được tiêu thụ mà chưa xây dựng được thương hiệu, không có biểu tượng lô-gô, nhãn mác nên giá trị sản phẩm không cao.

Các đại biểu tham quan khu sơ chế, đóng gói nông sản sạch của Hợp tác xã rau an toàn VISA, tại huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

*"XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG SẢN SẠCH"

Xây dựng và bảo vệ thương hiệu cho các sản phẩm nông sản trong nước hiện đang là mối quan tâm của rất nhiều địa phương. Tại một số địa phương đã hình thành vùng chuyên canh, sản xuất tập trung lớn. Nhiều địa phương và doanh nghiệp đã xây dựng chỉ dẫn địa lý và có trang thông tin nông sản nhằm xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu.

Ông Lê Văn Dũng - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Vĩnh Phúc cho biết: Trên địa bàn tỉnh đã hình thành nhiều vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn theo lợi thế của địa phương, áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm như vùng sản xuất chăn nuôi lợn, thanh long ruột đỏ, rau an toàn, lúa chất lượng,… Đến hết năm 2017, toàn tỉnh Vĩnh Phúc có 128 cơ sở được cấp giấy chứng nhận VietGAP gồm: 71 cơ sở sản xuất rau, quả với diện tích trên 700 ha, sản lượng khoảng 35 ngàn tấn/năm, 39 cơ sở chăn nuôi lợn thịt, sản lượng sản xuất khoảng 3.000 tấn thịt/năm; 13 cơ sở nuôi thủy sản, diện tích 60,2 ha, sản lượng khoảng 250 tấn/năm; 03 cơ sở chăn nuôi bò sữa và 06 cơ sở chăn nuôi gà thịt, gà đẻ trứng. Cùng với xây dựng vùng sản xuất nông sản an toàn, việc xây dựng, quảng bá thương hiệu nông sản an toàn, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ đã góp phần tạo đầu ra ổn định cho nông sản, nâng cao giá trị hàng hóa.

Trong bối cảnh Việt Nam đang tham gia vào nhiều Hiệp định thương mại tự do, thị trường xuất khẩu nông sản ngày càng rộng mở nhưng áp lực cạnh tranh cũng ngày càng gay gắt. Để nâng cao giá trị và sức cạnh tranh cho các sản phẩm, việc tăng cường phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm là hết sức quan trọng.

Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp cũng như người sản xuất, hợp tác xã, tổ hợp tác vẫn chưa mặn mà với việc xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu cho sản phẩm do chưa thực sự thấy rõ tầm quan trọng và giá trị thương hiệu của sản phẩm, đặc biệt trong giai đoạn hội nhập hiện nay. Ngoài ra, hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ, hướng dẫn về sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý còn nhiều bất cập, khó triển khai trong thực tiễn tại địa phương; Khâu liên kết tiêu thụ sản phẩm còn yếu; Hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm có thương hiệu chưa tập trung, thiếu bài bản; Chiến lược tiếp cận thị trường gắn với thương hiệu chưa được quan tâm đúng mức... cũng là những yếu tố cản trở chiến lược xây dựng thương hiệu nông sản Việt.

Thời gian tới để nông sản Việt Nam có chỗ đứng vững chắc tại thị trường trong nước cũng như vươn tầm ra thế giới, các đại biểu đã thống nhất một số giải pháp như sau:

- Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức cho người sản xuất cũng như doanh nghiệp, hợp tác xã về vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản.

- Quy hoạch, thiết lập vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa.

- Xây dựng quy chuẩn cho sản phẩm để đảm bảo tính minh bạch.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua tập huấn kỹ thuật cho nông dân, tập huấn nâng nao năng lực quản trị cho đội ngũ lãnh đạo hợp tác xã kiểu mới.

- Xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu nông sản

- Khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất■

ÁNH NGUYỆT
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

HÒA BÌNH: NÔNG DÂN HUYỆN LẠC THỦY LÀM GIÀU TỪ NUÔI GÀ BẢN ĐỊA

Hiện nay tại tỉnh Hòa Bình, phong trào nuôi gà Lạc Thủy đang được phát triển mạnh tại các xã như: Phú Thành, Phú Lão, thị trấn Thanh Hà…nhiều nông hộ đã mở rộng chuồng trại và nuôi với số lượng lớn tới hàng vạn con mang lại thu nhập hàng tỷ đồng mỗi năm.

Gà Lạc Thủy vốn là giống gà bản địa nuôi khá lâu đời tại các địa phương trong tỉnh. Ngoại hình gà đồng nhất, gà mái lông màu lá chuối khô nhạt, gà trống lông màu đỏ mận. Theo các hộ dân thì giống gà này rất dễ nuôi, thời gian nuôi từ 1 ngày tuổi đến xuất bán khoảng 4,5 tháng, trọng lượng gà mái đạt 1,7 kg, gà trống đạt từ 2kg trở lên. Đặc biệt, chất lượng thịt gà Lạc Thủy thơm ngon, dai ngọt như gà ta truyền thống và được thị trường ưa chuộng.

Để mục sở thị về giống gà Lạc Thủy quý hiếm, chúng tôi được chị Nguyễn Thị Hương - Chủ tịch Hội nông dân thị trấn Thanh Hà giới thiệu đến một hộ nông dân tiêu biểu đó là ông Đỗ Văn Học ở khu phố Đoàn Kết, thị trấn Thanh Hà.

Với diện tích đất rộng trên 2 ha ông Học đã đầu tư xây dựng chuồng trại với 2 khu nuôi riêng biệt để nuôi giống gà này, một khu chuyên nuôi gà thịt và khu chuyên nuôi gà đẻ. Với tổng số đàn hiện giờ 8.000 con, trong đó có 4.000 gà đẻ, 4.000 gà thịt, mỗi năm ông xuất ra thị trường gần 20 tấn gà thịt với giá dao động từ 85.000 - 95.000 đồng/kg (tùy từng thời điểm). Để chủ động nguồn giống cũng như cung cấp giống cho thị trường, gia đình ông đã đầu tư mua 3 máy ấp nở trứng gia cầm (công suất 13.000 quả/máy), mỗi tuần cung cấp ra thị trường khoảng 1,5 vạn gà giống, với giá hiện tại 16.000 đồng/con.

Ông Học cho biết: Gà Lạc Thủy là giống gà bản địa nên cũng dễ nuôi. Tuy nhiên, nếu nuôi với số lượng nhiều thì cần phải tuân thủ nghiêm ngặt khâu phòng bệnh, tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin cho gà. Ngoài ra, thức ăn, nước uống và chuồng trại luôn phải sạch sẽ, đảm bảo tốt nhất cho gà phát triển. Đến nay, sau hơn 10 năm nuôi gà, gia đình ông được biết đến và là địa chỉ tin tưởng cung cấp con giống. Nhờ mô hình nuôi gà, năm 2017 gia đình ông Học có thu nhập trên 1 tỷ đồng.

Giống gà Lạc Thủy tại tỉnh Hòa Bình thơm ngon, dai ngọt như gà ta truyền thống, được thị trường ưa chuộng

Còn tại xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy cũng có một hộ nông dân "phất lên" nhờ nuôi gà Lạc Thủy, trở thành một nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh và toàn quốc. Năm 2017, đây là hộ duy nhất của tỉnh được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì có những thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi giai đoạn 2012 - 2016. Người chúng tôi đang nói đến là ông Nguyễn Duy Lành, ở thôn Bột, xã Phú Thành.

Khởi nghiệp từ năm 2004 với phương châm lấy ngắn nuôi dài, ban đầu ông nuôi 500 con gà giống Lạc Thủy, thấy có hiệu quả rồi ông tăng dần đàn lên 1.000 - 2.000 con. Vừa nuôi, vừa đúc rút kinh nghiệm, sau nhiều lần nuôi, bản thân ông đã nắm rõ được kỹ thuật, giờ hỏi đến nuôi giống gà này, ông nắm chắc như một "kỹ sư chăn nuôi". Những năm gần đây, gà Lạc Thủy bắt đầu có thương hiệu, nắm bắt được nhu cầu ông đã lập kế hoạch tăng đàn. Ông cũng mua 4 máy ấp trứng với công suất 12.000 quả/máy. Để đảm bảo hoạt động và có nguồn con giống xuất ra liên tục, ông liên kết thu mua trứng của các hộ trong thôn, xóm. Mỗi năm, gia đình ông cung cấp ra thị trường 20.000 - 30.000 con giống. Do đó mà cái tên "Giống gia cầm Duy Lành" ra đời và được nhiều người biết đến. Không chỉ nuôi gà, ông còn đầu tư một trại nuôi lợn siêu nạc công nghệ cao với công suất từ 200 - 300 con/lứa… Nhờ cần cù ham học hỏi và biết cách tính toán làm ăn, trang trại chăn nuôi của ông Lành đạt doanh thu từ 1 - 3 tỷ đồng/năm.

Có thể nói mô hình chăn nuôi gà Lạc Thủy đã giúp nhiều hội viên nông dân tại địa phương thoát nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng. Họ xứng đáng là những hộ nông dân tiêu biểu, làm kinh tế giỏi và làm giàu ngay trên chính mảnh đất quê hương của mình■

ĐÌNH THỦY
Trung tâm Khuyến nông Hòa Bình

HIỆU QUẢ MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI CÂY ĐẬU XANH TRÊN ĐẤT LÚA THIẾU NƯỚC

Được sự hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Trị, vụ hè thu năm 2018, Trạm Khuyến nông huyện Cam Lộ đã triển khai mô hình chuyển đổi sản xuất trên chân đất trồng lúa không chủ động nước tưới, năng suất thấp bằng các giống đậu xanh lai mới có năng suất và giá trị cao và đã thu được kết quả hết sức khả quan.

Mô hình được triển khai tại thôn Quật Xá, xã Cam Thành, huyện Cam Lộ, trên diện tích 5 ha, trồng giống đậu xanh ĐX 208. Các hộ tham gia mô hình được Trạm Khuyến nông huyện hỗ trợ 100% giống và 30% vật tư phân bón. Với phương pháp tập huấn tại hiện trường, cán bộ kỹ thuật của Trạm đã trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật cho bà con trong suốt quá trình thực hiện mô hình.

Gia đình ông Nguyễn Đình Cải ở thôn Quật Xá, xã Cam Thành, huyện Cam Lộ có 2,5 sào đất ruộng (1 sào = 500m^2) hàng năm chỉ trồng được lúa trong vụ đông xuân, còn vụ hè thu do không có nước tưới nên gia đình ông bỏ hoang. Vụ hè thu năm nay được sự hỗ trợ của Trạm Khuyến nông huyện Cam Lộ, gia đình ông đã mạnh dạn chuyển toàn bộ diện tích này sang trồng cây đậu xanh ĐX 208. Nhờ được cán bộ khuyến nông hướng dẫn nhiệt tình, chăm sóc tốt nên ruộng đậu xanh của gia đình ông cho năng suất cao, đạt 1tạ/sào. Ông Cải cho biết, sự hỗ trợ của Trạm Khuyến nông huyện đã giúp cho những vùng đất hoang hóa của địa phương chuyển sang trồng cây trồng cạn, cho năng xuất cao, giúp nâng cao thu nhập. Các loại cây trồng cạn giúp rút ngắn được mùa vụ, tiết kiệm nước tưới, ngoài ra còn hạn chế cỏ dại và cải tạo đất.

Theo tính toán, so với cây lúa thì nhu cầu nước tưới của cây trồng cạn như đậu xanh này chỉ bằng từ 1/3 đến 1/2, trong khi thu nhập mang lại tương đối cao, trung bình 1 ha sẽ mang lại nguồn thu trên 40 triệu đồng. Được biết, cây đậu xanh dễ tính nhưng thích hợp nhất vẫn là đất thịt nhẹ, đất phù sa, hoặc trên những ruộng lúa vụ hè thu không chủ động nước chuyển sang trồng đậu xanh cũng cho hiệu quả rõ rệt.

Ông Dương Hồng Phong - Trạm trưởng Trạm Khuyến nông huyện Cam Lộ chia sẻ một số kỹ thuật cần lưu ý trong quy trình trồng chăm sóc cây đậu xanh như sau:

- Cây đậu xanh là cây không chịu ngập úng, vì vậy mà biện pháp lên luống là bắt buộc. Tùy theo địa thế để lên luống rộng, hẹp, cao hoặc thấp, đặc biệt các chân đất không bằng phẳng cần chú ý vấn đề thoát nước. Rãnh thoát nước rộng 30 - 35cm, mặt luống rộng tùy theo chân đất. Đối với chân đất thoát nước tốt, lên luống có chiều rộng khoảng 2,5 - 3m, cao 20 - 25cm; chân đất thoát nước kém lên luống rộng 1m, cao 30 - 40cm. Lên luống xong rạch hàng sâu 10 - 12cm, hàng cách hàng 30 - 40cm, bón phân lấp đất rồi gieo hạt, không được gieo hạt trực tiếp lên phân.

- Về mật độ và khoảng cách: Để đảm bảo mật độ 1ha cần từ 20kg giống (01kg/sào); Mật độ phổ biến khoảng 12 - 16 cây/m^2 ; Khoảng cách: gieo hàng cách hàng 30 - 40cm, cây cách cây 18 - 20 cm (gieo 2 - 3 hạt/hốc, đậu mọc đều tỉa để 1 - 2 cây/hốc) một sào nên gieo dự phòng vào khoảng trống 2-3 hàng để dặm.

- Về lượng phân và cách bón: Cây đậu xanh có thời gian sinh trưởng ngắn nên chủ yếu tập trung bón lót. Đối với diện tích 1 ha, bón lót: 500 kg vôi + 6-8 tấn hữu cơ + 325 kg lân (rải vôi đều trước khi bừa lần cuối để gieo). Bón thúc lần 1, khi cây có 1- 2 lá thật (10-15 ngày): Bón 60 kg đạm và 40 kg Kali, kết hợp xới nhẹ. Bón thúc lần 2, khi cây có 4-5 lá thật (25-30 ngày): Bón 60 kg đạm và 40 kg Kali vãi đều giữa 2 hàng đậu kết hợp xới, vun cao chống đổ.

- Về chăm sóc và tưới tiêu: Vụ hè thu, sau khi gieo khoảng 3-5 ngày cây mọc, tính từ sau gieo 13-15 ngày tiến hành xới xáo, phá váng, diệt cỏ dại làm cho đất thông thoáng, giúp bộ rễ phát triển xung quanh. Sau gieo 25-30 ngày (trước lúc cây ra hoa), tiến hành xới xáo sâu 5-7cm, xới cách gốc 7-10 cm kết hợp với bón phân, đồng thời vun cao gốc 10-15cm. Giai đoạn này nếu có điều kiện thì tưới thấm 1 đợt và khi tưới xong phải rút nước ngay. Lần tưới này giúp nâng cao số hoa và tỷ lệ đậu quả. Đậu xanh có khả năng chịu hạn khá, nhưng chịu úng kém, để đạt năng suất cao cần đảm bảo độ ẩm đất trong suốt quá trình sinh trưởng phát triển, đặc biệt ở giai đoạn cây ra hoa, đậu quả.

Bà Nguyễn Thị Hảo - Chủ tịch Hội nông dân xã Cam Thành cho biết, mô hình trồng đậu xanh trên các diện tích đất lúa thiếu nước mà Trạm Khuyến nông huyện Cam Lộ đang triển khai đã tạo được bước đột phá trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay. Mô hình góp phần mang lại hiệu quả trong chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp, tạo hướng sản xuất bền vững cho địa phương. Thông qua mô hình, bà con nông dân nắm vững thêm một quy trình kỹ thuật trong sản xuất. Thời gian tới, Trạm Khuyến nông huyện Cam Lộ sẽ tiếp tục nhân rộng mô hình này, góp phần nâng cao thu nhập cho bà con■

PHAN VIỆT TOÀN
Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị

HÀ TĨNH: NÂNG CAO THU NHẬP TỪ MÔ HÌNH NUÔI CÁ RÔ PHI THÂM CANH

Cá rô phi là đối tượng nuôi có nhiều lợi thế như chất lượng thịt ngon, dễ nuôi, nhanh lớn, ít dịch bệnh, giá cả phải chăng. Do đó, những năm qua Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh đã triển khai nhiều mô hình nuôi cá rô phi thâm canh, mang lại hiệu quả cao cho các hộ dân tham gia.

Trước thực trạng nhiều vùng đất trồng lúa bị nhiễm phèn, năng suất thấp và các vùng nuôi tôm thường xuyên bị dịch bệnh, đứng trước nguy cơ có thể bị bỏ hoang. Để tìm hướng đi mới nhằm giúp người dân nâng cao thu nhập, nhiều năm qua, Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh đã thực hiện thành công mô hình nuôi cá rô phi thâm canh tại các xã khó khăn, xã đỡ đầu xây dựng nông thôn mới của các huyện Hương Khê, Vũ Quang, Cẩm Xuyên, Lộc Hà, Thạch Hà và thành phố Hà Tĩnh.

Vào khoảng tháng 3 âm lịch hàng năm, bà con tiến hành cải tạo ao đầm, tháng 4 thả cá giống và bắt đầu thu tỉa vào tháng 8 và thu rải đến cuối năm. Với mật độ thả từ 2 - 3 con/m^2, sau 6 tháng nuôi, cá đạt cỡ từ 0,6 - 1 kg/con, đến khi thu hoạch cũng có thể đạt 1,2 - 1,5 kg/con, tỷ lệ sống trên 80%, cá lớn nhanh, ít bị dịch bệnh, màu sắc đẹp. Năng suất đạt từ 10 - 15 tấn/ha/vụ, giá bán từ 30.000 - 50.000 đồng/kg, mang lại lợi nhuận trên dưới 100 triệu đồng/ha/vụ cho bà con nông dân.

Gia đình anh Nguyễn Văn Lý tại xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh là một hộ dân say mê với nghề nuôi thủy sản. Sau nhiều vụ tôm không thành công, đang loay hoay tìm hướng đi mới thì anh được Trung tâm Khuyến nông tỉnh và chính quyền địa phương động viên hỗ trợ xây dựng mô hình nuôi cá rô phi thâm canh với quy mô 0,7 ha. Khi mới thả giống, mặc dù đã được thuần hóa nhưng cá vẫn bị sốc độ mặn và chết khá nhiều. Mặc dù gia đình cũng nản lòng nhưng được sự chỉ đạo sâu sát của các cán bộ kỹ thuật nên anh đã kịp thời xử lý, tạo môi trường thuận lợi cho cá phát triển. Sau 6 tháng nuôi, cá lớn rất nhanh, đạt cỡ 0,9 kg/con, chất lượng thịt cá hơn hẳn các điểm nuôi cá rô phi trong ao nước ngọt mà Trung tâm triển khai năm đó. Với giá cá 50.000 đồng/kg tại hồ thì anh đã thu được khoảng 50 triệu đồng trong khi nhiều hộ dân xung quanh bỏ hoang ao, hồ.

Sau 5 tháng thả nuôi, cá rô phi đạt trọng lượng 0,6 - 1 kg/con

Gia đình chị Đặng Thị Long ở xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, xây dựng ao nuôi trên vùng đất trồng lúa nhiễm phèn nặng. Hai năm trước chị thả nuôi cá leo, cá lóc nhưng không thành công do độ phèn quá thấp (pH< 4), không biết cách xử lý và kiểm soát phèn nên cá bị chết dần, không có sản phẩm thu hoạch. Năm 2018, được sự hỗ trợ cả về kinh tế và kỹ thuật của Trung tâm Khuyến nông, chị đã mạnh dạn tham gia đối ứng để xây dựng mô hình nuôi cá rô phi thâm canh với quy mô 0,6 ha. Sau 5 tháng thả nuôi, cá đạt trọng lượng bình quân 0,6 kg/con, ước tính sản lượng đạt 9 tấn. Hiện tại, thương lái đã đến tận hồ để đặt vấn đề thu mua với mức giá 40.000 đồng/kg với cá cỡ trên 0,7 kg/con, ước tính lợi nhuận cũng đạt 50 triệu đồng, cao hơn 5 lần so với trồng lúa trước đây.

Sự thành công của mô hình nuôi cá rô phi thâm canh đã mở ra một hướng đi mới, giúp người dân mạnh dạn chuyển đổi các đối tượng sản xuất phù hợp trên diện tích canh tác của mình, để mang lại nguồn thu nhập cao hơn, có công ăn việc làm ổn định hơn, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, có mức thu nhập thấp■

KIM THỊNH
Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh

YÊN BÁI: HIỆU QUẢ BƯỚC ĐẦU MÔ HÌNH NUÔI VỊT BẦU LAI

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Yên Bái nói chung và huyện Trấn Yên nói riêng phong trào nuôi vịt theo hướng an toàn sinh học đang phát triển mạnh, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho các hộ chăn nuôi. Tuy nhiên, việc đưa các giống vịt có năng suất chất lượng cao vào nuôi đại trà chưa phát triển mạnh. Bên cạnh đó, việc thu gom và xử lí chất thải trong chăn nuôi vẫn chưa được thực hiện triệt để, chưa có giải pháp đồng bộ mang tính bền vững nên dẫn đến ô nhiễm môi trường và phát sinh dịch bệnh.

Mô hình nuôi vịt Bầu lai tại hộ ông Đỗ Việt Bắc ở thôn 3, xã Cường Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái

Để giải quyết những khó khăn đó, năm 2018, Trung tâm khuyến nông tỉnh Yên Bái đã phối hợp với Trạm Khuyến nông huyện Trấn Yên (nay là Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp huyện Trấn Yên) và UBND xã Cường Thịnh xây dựng mô hình "Chăn nuôi vịt bầu lai an toàn dịch bệnh" với quy mô 400 con cho 01 hộ tham gia. Với mục tiêu đưa giống vịt bầu lai có năng suất chất lượng cao vào phát triển chăn nuôi tại địa phương đồng thời trang bị kiến thức cho hộ tham gia mô hình và các hộ vùng lân cận thực hiện biện pháp thực hành chăn nuôi tốt theo hướng an toàn sinh học có sử dụng đệm lót sinh thái khử mùi hôi bằng chế phẩm Balasa N01 để xử lý nền chuồng. Mô hình cũng sẽ tạo cho bà con ý thức bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe cho người chăn nuôi và cộng đồng xã hội.

Qua quá trình triển khai thực hiện và theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật, mô hình chăn nuôi vịt bầu lai cho kết quả như sau:

Sau 3 tháng nuôi, đàn vịt tăng trọng nhanh, tỉ lệ nuôi sống ở 90 ngày tuổi đạt 95%, tiêu tốn thức ăn: 2,7 kg thức ăn/1kg tăng trọng. Khối lượng bình quân trống lúc 90 ngày tuổi đạt 2,4 kg/con, vịt cái đạt 2 kg/con, đảm bảo chỉ tiêu của mô hình. Bên cạnh đó chế phẩm vi sinh Balasa N01 đã giúp phân hủy phân, giảm mùi hôi thối và khí độc chuồng nuôi, tạo môi trường trong lành cho vật nuôi phát triển, giảm tỉ lệ mắc bệnh đặc biệt là bệnh tiêu chảy, dịch tả. Vì vậy, đàn vịt có tỷ lệ nuôi sống cao. Đàn vịt lông mượt, mầu đẹp, bán có giá cao hơn trước đây.

Mô hình chăn nuôi vịt Bầu lai an toàn dịch bệnh giảm đáng kể các chi phí đầu tư, kể cả công chăm sóc so với cách nuôi truyền thống trước đây. Lợi nhuận thu được với 400 con vịt Bầu lai sau hơn 3 tháng là 12,5 triệu đồng.

Hộ dân tham gia mô hình cho biết đã giảm được 75% chi phí điện úm vịt con, 60% công lao động và 30% thuốc thú y. Đặc biệt là chi phí công quét dọn phân hàng ngày và lượng trấu phải thay thường xuyên như trước đây đã giảm đáng kể. Về hiệu quả môi trường đã giảm mùi hôi, khí độc trong chuồng nuôi và xung quanh. Điều này đã hạn chế ô nhiễm môi trường, góp phần ổn định và phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng bền vững.

Mô hình "Chăn nuôi vịt Bầu lai an toàn dịch bệnh" bằng biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm vi sinh Balasa N01 kết hợp với thả ao đã hạn chế ô nhiễm môi trường, giảm bệnh tật, góp phần tăng thu nhập cho người chăn nuôi. Mô hình nếu được triển khai rộng rãi sẽ từng bước làm thay đổi phương thức chăn nuôi theo cách cũ của người dân. Từ đó, góp phần định hướng phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng tập trung, an toàn, bền vững và quản lý tốt dịch bệnh, tạo ra những sản phẩm an toàn, chất lượng và đáp ứng nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng■

NGÔ ĐĂNG SỸ
Trung tâm Khuyến nông Yên Bái

ĐIỆN BIÊN: XÃ THANH HƯNG ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

Về Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên những ngày mùa thu lịch sử, điều mà mọi người cảm nhận rõ nét nhất là bức tranh nông thôn mới (NTM) đang hiện hữu giúp vùng đất này thay da đổi thịt. Mỗi ngôi nhà kiên cố mọc lên, những con đường bê tông uốn mình như dải lụa... tất cả đều mang dấu ấn cộng đồng. Nhưng vui hơn cả: Nơi đây ý Đảng, hợp lòng dân, một Thanh Hưng đang chuyển mình chung sức, đồng lòng để về đích nông thôn mới.

Đồng chí Lò Văn Tiến, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên trao tặng Bằng khen cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng nông thôn mới

Chiều ngày 13 tháng 8 năm 2018 tại xã Thanh Hưng, đã tổ chức Lễ công bố đạt chuẩn NTM. Sau 7 năm thực hiện chương trình NTM, với sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của các cấp, các ngành cùng với sự vào cuộc chủ động, quyết liệt của cấp uỷ, chính quyền và nhân dân trong xã, đến nay xã Thanh Hưng cơ bản đã đạt 19/19 tiêu chí, 46/49 nội dung theo quy định bộ Tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM. Tổng kinh phí thực hiện trên 22 tỷ đồng, trong đó kinh phí do nhân dân đóng góp hơn 8,6 tỷ đồng. Hiện nay, 100% tuyến đường trên địa bàn xã được bê tông hóa, nhựa hóa; 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; cả 3 trường học trên địa bàn đều đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng đạt trên 86%; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 12,4% năm 2011 còn 5,03% năm 2017; tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt hơn 95%.

Nhờ có sự quan tâm của nhà nước về nguồn vốn và khoa học kỹ thuật cho nhân dân nên kinh tế hộ gia đình có sự phát triển theo từng năm, kết cấu hạ tầng nông thôn được đầu tư xây dựng, tạo nên diện mạo mới.

Cấp ủy, chính quyền xã Thanh Hưng đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt việc củng cố, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân tại địa phương. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được chú trọng và quan tâm, tạo cho xã có sự thay đổi toàn diện về mọi mặt.

Việc quy hoạch sử dụng đất sản xuất theo từng vùng phù hợp với kế hoạch chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi. Vì vậy, việc phát triển sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm trong những năm qua đã có bước phát triển, góp phần tăng thu nhập kinh tế hộ gia đình, đời sống nhân dân từng bước ổn định và nâng cao. Đặc biệt là thu nhập bình quân đầu người của người dân xã tăng lên rõ rệt, từ 11,5 triệu đồng/người/năm vào năm 2011 đến năm 2017 đạt 28 triệu đồng/người/năm.

Hệ thống cơ sở hạ tầng cơ bản đã được xây dựng; Cán bộ và nhân dân trên địa bàn xã đã nâng cao được nhận thức và trách nhiệm xây dựng NTM. Hệ thống chính trị từng bước được kiện toàn, đảm bảo đủ về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Phát biểu tại buổi lễ công bố đạt chuẩn NTM, đồng chí Lò Văn Tiến - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đánh giá cao những nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Thanh Hưng, đây là vinh dự là dấu mốc quan trọng trong suốt quá trình xây dựng nông thôn mới của xã. Đồng thời, đề nghị trong thời gian tới xã Thanh Hưng tiếp tục thống nhất quan điểm "xây dựng NTM đây mới chỉ là bước đầu, quan trọng nhất vẫn là duy trì, nâng cao chất lượng 19 tiêu chí đã đạt được tiến tới xây dựng nông thôn kiểu mới"; đồng thời chọn 2 thôn, bản để xây dựng thôn, bản kiểu mẫu và chọn ít nhất 2 sản phẩm làm sản phẩm tiêu biểu của địa phương.

Để ghi nhận thành tích trong việc tổ chức và thực hiện phong trào "Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới". UBND tỉnh Điện Biên đã tặng Bằng khen cho 1 tập thể và 2 cá nhân; UBND huyện Điện Biên tặng Giấy khen cho 2 tập thể và 5 cá nhân. Nhân dịp này, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Thanh Hưng đón nhận cờ của Bộ công an tặng "Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2017" trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc■

HOÀNG KHẮC TÂN
Trung tâm Khuyến nông Điện Biên

PHÚ YÊN: THÀNH CÔNG VỚI MÔ HÌNH NUÔI THỎ "3 SẠCH"

Hơn 3 năm nay, gia đình chị Phùng Thị Mỹ Linh ở thôn Phú Mỹ, xã An Thọ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xây dựng mô hình nuôi thỏ theo hình thức "3 sạch" - chuồng sạch, thức ăn sạch, con giống sạch, đã cung cấp cho thị trường nhiều lứa thỏ với chất lượng thịt thơm, ngon và được người tiêu dùng ưa chuộng.

Là một cán bộ văn thư đang công tác tại Uỷ ban Nhân dân xã An Thọ, chị Linh vừa làm tốt công việc của cơ quan, vừa giỏi xây dựng kinh tế gia đình. Năm 2016, cơ duyên nghề nuôi thỏ đến với chị trong chuyến công tác ở Đắk Lắk, khi chị có dịp ghé thăm một trang trại nuôi thỏ quy mô và vô cùng thành công nhờ kỹ thuật chăm sóc riêng biệt. Từ đó, chị đã nuôi trong mình mơ ước có một trang trại nuôi thỏ riêng để gây dựng sự nghiệp và làm giàu từ mô hình này.

Lúc đầu chị Linh nuôi thử 3 cặp thỏ sinh sản. Thỏ đẻ mắn, một năm đẻ 7 lứa, mỗi lứa đẻ từ 6 - 7 con nên số lượng đàn tăng khá nhanh. Sau 1 năm chị đã có hơn 100 con. Các loại thỏ bố, mẹ, thỏ con được chị Linh tách đàn nhốt trong các ô riêng, theo dõi sức khỏe và vệ sinh hàng ngày để đảm bảo cho thỏ luôn sạch sẽ.

Do nhu cầu thịt thỏ cao nên gia đình chị quyết định nuôi hơn 100 con thỏ cho sinh sản. Chị cho biết, mô hình nuôi thỏ "3 sạch" đã được khá nhiều nông dân ở các tỉnh triển khai và cho hiệu quả cao. Do đó, chị học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm từ sách báo, bạn bè, về cách làm chuồng trại đến cách nuôi, chăm sóc. Theo đó, con giống chọn lựa phải sạch bệnh, làm chuồng nuôi trên khoảng đất cao, có chỗ thoát nước và xử lý phân riêng. Chuồng nuôi được ngăn thành nhiều ô, đặt nơi cao ráo, cách mặt đất 0,5m để dễ dàng dọn vệ sinh, có vòi nước tự động cho thỏ uống nhằm đảm bảo vệ sinh. Thức ăn chủ yếu của thỏ là lá cây họ đậu (đậu xanh, lạc,...), lá rau (rau muống, rau cải, rau khoai lang, cỏ...) và các loại củ (bí đỏ, cà rốt, khoai, sắn). Ngoài ra, chị dành ra khoảng 500 m^2 để trồng thêm rau muống nhằm cung cấp thức ăn sạch cho thỏ nuôi của gia đình.

Chị Linh còn cho biết thêm, thỏ là loài vật khá dễ nuôi. Tuy nhiên, người nuôi cần phải kiên trì, nắm chắc những kỹ thuật như: thức ăn cho thỏ phải sạch, trong đó 70% là cây cỏ và 30% là cám. Bên cạnh đó, việc vệ sinh chuồng trại và kiểm tra sức khỏe của thỏ phải được ưu tiên hàng đầu bởi thỏ rất dễ mắc một số bệnh như ghẻ lở, nấm, tiêu chảy, tụ huyết trùng... Ngoài ra, cần phải tăng sức đề kháng cho thỏ bằng cách bổ sung đầy đủ vitamin. Chuồng nuôi thỏ, mùa hè phải mát và mùa đông phải ấm, nhiệt độ để thỏ phát triển tốt là khoảng 25 - 28^{0}C,…

Chị Phùng Thị Mỹ Linh đang chăm sóc đàn thỏ của gia đình

Hiện nay, do được chăm sóc tốt, thỏ của gia đình chị sinh trưởng rất nhanh, khoảng 2 tháng đã đạt trên 1,5 kg/con và có thể xuất chuồng. Với giá bán thỏ thương phẩm từ 80.000 - 90.000 đồng/kg, trung bình mỗi lứa xuất chuồng, chị Linh thu lãi từ 10-15 triệu đồng/tháng. Thịt thỏ của gia đình chị Linh được đánh giá là thơm, ngon và chắc thịt nên khá nhiều người ưa chuộng và người đặt mua ngày một đông, nhất là các nhà hàng tại thành phố Tuy Hòa và các tỉnh lân cận, nhiều khi không có đủ sản phẩm để cung ứng. Hiện nay, do nhu cầu thị trường ngày càng tăng nên chị đang mở rộng hệ thống chuồng nuôi, thuê thêm lao động và phát triển thêm đàn thỏ, dự kiến thời gian tới, chị sẽ có khoảng 200 cặp thỏ sinh sản.

Trao đổi với chúng tôi, anh Nguyễn Tấn Luận - cán bộ thú y xã An Thọ chia sẻ: Mô hình nuôi thỏ "3 sạch" của gia đình chị Linh là mô hình đầu tiên trong xã. Nhờ mạnh dạn đầu tư và chịu khó nghiên cứu kiến thức, kinh nghiệm, mô hình nuôi thỏ "3 sạch" đã giúp gia đình chị Linh cải thiện cuộc sống, phát triển kinh tế, là mô hình cho nhiều nông dân trong vùng đến tham quan, học hỏi■

PHAN CHÂN THUYÊN
Trạm Khuyến nông huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên

BẮC GIANG: TRỞ THÀNH TỶ PHÚ NHỜ TRỒNG BƯỞI DA XANH

Sau hơn 8 năm chuyển đổi sản xuất, đến nay mô hình trồng bưởi da xanh của gia đình anh Lê Duy Chứ ở thôn Nam Điện, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cho lợi nhuận hơn 1 tỷ đồng mỗi năm.

Anh Lê Duy Chứ bên vườn bưởi da xanh của gia đình

Thành công nhờ ham học hỏi, mạnh dạn đầu tư

Trước kia, gia đình anh Chứ cũng như các hộ khác trong xã chủ yếu đầu tư phát triển cây vải thiều. Vì đó là loại cây trồng gắn bó từ lâu với người dân nơi đây và đã có thương hiệu bởi chất lượng quả vải có hương vị đặc trưng riêng mà không ở đâu có được. Tuy nhiên sản xuất vải năm thì được mùa, năm lại mất mùa vì giá cả thị trường bếp bênh, không ổn định. Có những vụ, vườn vải thiều của gia đình anh sai trĩu quả đến thời điểm thu hoạch thì lại rơi vào tình cảnh "được mùa rớt giá". Do vậy, anh và gia đình luôn trăn trở chuyển đổi trồng cây gì để phù hợp với vùng đất này mà lại cho nguồn thu ổn định. Năm 2010, qua người bà con ở tỉnh Bến Tre, anh biết đến cây bưởi da xanh - loại cây giúp nhiều hộ nông dân các tỉnh miền Tây Nam Bộ phát triển kinh tế làm giàu. Sau một thời gian tham quan, tìm hiểu thực tế, gia đình anh quyết định đầu tư 600 cây bưởi da xanh giống về trồng thay thế dần diện tích trồng vải.

Qua một năm, nhận thấy bưởi da xanh tương đối dễ chăm sóc, phát triển tốt phù hợp với đất vườn đồi tại địa phương nên anh tiếp tục trồng thêm 1.000 cây bưởi nữa. Nhờ học hỏi kinh nghiệm và kiến thức kỹ thuật trên sách, báo, các nhà vườn nên anh đã đúc kết được kinh nghiệm áp dụng vào thực tế sản xuất. Sau hơn 3 năm, cây bắt đầu cho thu hoạch những lứa quả đầu tiên có chất lượng ngon ngọt và vẫn giữ được hương vị của bưởi da xanh Bến Tre nên được thị trường ưa chuộng, dễ tiêu thụ, từ đó gia đình anh bắt đầu có nguồn thu nhập sau bao ngày chăm sóc. Lợi nhuận thu được anh tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, chú trọng áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, đưa cơ giới hóa vào nhiều khâu sản xuất như đầu tư hệ thống tưới nước tự động, máy phun vôi, máy bơm thuốc, áp dụng quy trình sản xuất an toàn... Nhờ vậy, giảm được chi phí nhân công, nâng cao năng suất, chất lượng quả bưởi.

Anh Chứ cho biết, trồng bưởi da xanh cần quan tâm đến các yếu tố như đất, phân bón, nước tưới... Theo kinh nghiệm, anh thường phun vôi cho cây vào trước và sau mùa mưa để hạn chế một số loại nấm gây bệnh trên cây và dưới mặt đất. Khi bón phân, anh kết hợp sử dụng cả hai loại phân hữu cơ và phân hóa học. Trong đó, dùng chủ yếu là phân hữu cơ được ủ từ đỗ tương, cá và phân gà trong thời gian từ 6 - 12 tháng. Theo anh, nếu như sử dụng phân hóa học một thời gian dài sẽ làm cho đất bị bạc màu, ảnh hưởng đến sự sinh trưởng phát triển của cây bưởi, do đó kết hợp bón với phân hữu cơ, phân chuồng để cải tạo đất, giúp cho cây phát triển bền vững và đạt năng suất cao.

Đến nay, trên diện tích 3 ha gia đình anh trồng 2.000 cây bưởi da xanh đều đang cho thu hoạch, năng suất trung bình đạt từ 50 - 70 tấn quả/năm. Năm ngoái, do điều kiện thời tiết không thuận lợi nên một số cây đậu quả ít hơn những năm trước, bình quân cả vườn thu được khoảng 50 tấn quả, gia đình anh thu lãi hơn 1 tỷ đồng.

Nhân rộng mô hình

Với những kinh nghiệm có được, anh đều tận tình hướng dẫn cho các hộ muốn học hỏi làm theo. Nhiều hộ trong thôn như gia đình anh Lê Duy Điêm, Lê Duy Lực... cũng đã mạnh dạn đầu tư trồng từ 700 đến hơn 1.000 cây bưởi da xanh. Không dừng lại ở đó, anh còn tự mình quay các clip chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật trồng bưởi da xanh để đăng trên mạng xã hội; do đó, đã có nhiều người quan tâm tìm đến tham quan, học hỏi mô hình trồng bưởi của gia đình anh.

Từ năm 2014 đến nay, mô hình của gia đình anh còn là địa chỉ cung cấp cây giống bưởi da xanh chất lượng cho nhiều khách hàng trong và ngoài tỉnh. Trung bình mỗi năm, gia đình anh cung cấp khoảng 20.000 cây giống ra thị trường. Riêng năm 2018 này sẽ tiếp tục xuất bán khoảng 30.000 cây bưởi giống.

Gia đình anh Chứ hiện là hộ gia đình tiên phong trong sản xuất, vươn lên làm giàu với mô hình trồng bưởi da xanh trên vùng đất Nam Dương■

KIM LAN
Trung tâm Khuyến nông Bắc Giang

THU NHẬP ỔN ĐỊNH NHỜ SẢN XUẤT LƯƠN GIỐNG BÁN NHÂN TẠO

Đó là mô hình của anh Nguyễn Thanh Phương sinh năm 1979 ở ấp Hội Mỹ, xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Hiện tại mô hình đang có trên 4.000 con lươn bố mẹ sinh sản, mang lại lợi nhuận khoảng 100 triệu đồng/tháng.

Thành công từ đam mê

Sau 3 năm tìm hiểu về lươn sinh sản từ những ụ đất, đến nay cơ sở của anh Phương đã xây dựng được 10 ao nhân tạo với tổng diện tích hơn 200m^2, với hơn 4.000 con lươn bố mẹ, cung cấp ra thị trường khoảng 25.000 con giống.

Anh Phương sinh năm 1979, tại Trà Vinh đến lập nghiệp tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cách đây 3 năm. Cuộc sống khó khăn, thu nhập bấp bênh, anh Phương trăn trở tìm hướng đi phù hợp với khả năng để ổn định cuộc sống. Sau khi tìm hiểu thị trường, thấy giá lươn thịt luôn ở mức cao và dễ tiêu thụ, anh quyết định đầu tư nuôi lươn.

Để có được quy trình cho sinh sản nhân tạo lươn giống như ngày hôm nay, anh đã trải qua quá trình nghiên cứu thực tế và gần như dành tất cả thời gian cho con lươn. Được sự ủng hộ của người thân, năm 2015, anh Phương đến huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tìm mua con giống về thả nuôi. Do chưa nắm được yêu cầu kỹ thuật về chọn giống như kích thước, màu sắc, các yếu tố môi trường, điều kiện thổ nhưỡng đàn lươn anh nuôi phát triển không đều, tăng trưởng chậm, tỷ lệ sống thấp.

Sau đợt nuôi đó không những anh bị lỗ vốn mà tốn cả công chăm sóc. Từ thất bại này, anh đúc kết được các lý do là do lươn giống không đạt chất lượng, không rõ nguồn gốc. Anh chia sẻ, khó nuôi nhất là lươn giống mua về được người bán bắt ngoài tự nhiên, tập tính lươn còn hoang dã nên chưa thích nghi môi trường bể nuôi; kích cỡ, trọng lượng giống không đồng đều; lươn giống đánh bắt bằng nhiều cách trong đó có cả bằng xung điện dẫn tới tỷ lệ hao hụt lớn, khó chăm sóc hiệu quả nuôi không cao.

Với kinh nghiệm và lòng đam mê, anh chuyển hướng nghiên cứu, làm bể nhân tạo sản xuất lươn giống. Sau một thời gian tìm hiểu và tham khảo thực tế, anh Phương đã tìm mua được 5.000 con giống tốt về thả nuôi trong bể. Sau hơn 10 tháng nuôi, từ nguồn lươn thương phẩm, anh Phương tuyển chọn những con khỏe mạnh để làm lươn bố mẹ nuôi sinh sản. Thật bất ngờ sau 6 tháng nuôi, lươn bố mẹ đã làm ổ và đẻ trứng trong bể nhân tạo. Trứng sau khi đẻ anh Phương vớt vào các chậu nhựa và cho ấp nở. Lươn con được ương dưỡng tại đây khoảng 20 ngày rồi mới cho ra ương tiếp ở bể xi măng lên thành lươn giống.

Từ thành công ban đầu, anh Phương tiếp tục nghiên cứu thực nghiệm quy trình cho lươn đẻ. Qua những tài liệu nghiên cứu, kết hợp với kinh nghiệm theo dõi mùa vụ sinh sản của lươn tự nhiên, anh Phương tiến hành thiết kế bể nuôi bằng bạt hình chữ nhật kích thước 2m x 10m. Sử dụng đất sét thịt để làm nơi ẩn nấp và làm tổ đẻ của lươn bố mẹ. Khi lươn đẻ trứng xong, không vớt trứng lên bể ấp như những lần trước mà cho trứng nở tự nhiên tại ổ đẻ và thu lươn giống trong giá thể đã treo. Phương pháp này sẽ thu được con giống khỏe hơn, ương nuôi nhanh lớn và đặc biệt giảm được công chăm sóc ấp trứng.

Có thể nói, qui trình thu lươn giống ở giá thể của anh Phương đã thành công và cho tỉ lệ con giống cao hơn nhiều so với thu và ấp trứng. Lươn con thu được anh cho ương tại bể xi măng, thức ăn chủ yếu là trùn chỉ. Sau 20 ngày tập cho lươn ăn thức ăn cám viên, nuôi tiếp 2 tháng khi lươn đạt kích cỡ 500 con/kg là xuất bán ra thị trường. Bằng phương pháp này, mỗi tháng anh Phương cung cấp ra thị trường từ 20.000 con đến 25.000 con giống, giá bán 5.000đồng/con.

Bán lươn qua Facebook

Vốn là người nhạy bén, trong thời đại công nghệ thông tin, để quảng bá thương hiệu rộng rãi, anh Phương lập địa chỉ "lươn giống Vũng Tàu" giới thiệu qua trang Facebook cá nhân nhằm trao đổi kinh nghiệm và bán lươn giống. Hiện nay, khoảng 70% lươn giống tại cơ sở của anh được bán ở các tỉnh như Nam Định, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế nhờ kết nối bạn qua Facebook. Số còn lại được bán trực tiếp cho bà con trong tỉnh.

Anh Nguyễn Thanh Phương đang chăm sóc lươn giống

Được biết, bên cạnh việc sản xuất lươn giống theo quy trình bán nhân tạo, anh còn chuyển giao công nghệ nuôi lươn thương phẩm cho bà con. Giống được cung cấp từ cơ sở, bảo đảm về tỷ lệ sống và bao tiêu đầu ra. Trong tương lai, anh Phương đang hướng tới thành lập công ty lươn giống Vũng Tàu với quy mô ngày càng mở rộng■

TRỌNG HOÀNG

NGƯỜI MẠNH DẠN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG NUÔI THỦY SẢN Ở AO NỔI

Nuôi thủy sản trong ao nổi được đánh giá là một phương pháp mới, khắc phục các nhược điểm của ao đất truyền thống. Mặc dù thời gian áp dụng chưa dài nhưng kết quả bước đầu đã khẳng định được nhiều ưu thế nổi trội như không phá vỡ hiện trạng đồng ruộng, giảm chi phí nuôi, hạn chế dịch hại và cho năng suất cao. Không dừng lại ở đó, nhiều hộ nuôi thả thủy sản với diện tích lớn còn ứng dụng công nghệ sinh học để nuôi theo hướng bền vững, hạn chế ô nhiễm môi trường.

Ông Nguyễn Văn Khôi ở thôn Kim Đôi, xã Ngọc Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương là một điển hình đã mạnh dạn ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi thả thủy sản ở ao nổi. Bắt đầu nuôi thả thủy sản cách đây gần 30 năm, ban đầu ông cũng giống như nhiều hộ nuôi thủy sản khác, ông nuôi cá theo phương pháp truyền thống, sau đó chuyển sang nuôi chuyên canh con rô phi, tuy nhiên hiệu quả mang lại không cao do diện tích nhỏ, dịch bệnh nhiều, giá cả bấp bênh. Bởi vậy cách đây 8 năm, ông đã mạnh dạn đầu tư mở rộng diện tích kết hợp cải tạo khu đồng trũng để xây dựng trang trại nuôi thủy sản tập trung với diện tích 25 mẫu và nuôi theo phương pháp ao nổi. Đối tượng nuôi trong các ao nổi chủ yếu là cá trắm, trôi, chép và cá rô các loại.

Không chỉ dừng lại ở phương pháp nuôi thủy sản trong ao nổi, ông Khôi còn nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý môi trường trong quá trình nuôi nhằm hạn chế dịch bệnh và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường. Để áp dụng công nghệ này, ông đã phải đi học hỏi kinh nghiệm ở nhiều nơi trong nước cũng như một số nước trong khu vực như Thái Lan, Indonesia, Malaysia,... Theo ông, để áp dụng phương pháp mới này hiệu quả cần thiết phải đảm bảo các yếu tố: con giống khỏe, sạch bệnh, dinh dưỡng hợp lý; xử lý môi trường ô nhiễm bằng chế phẩm an toàn, không gây độc đối với đối tượng nuôi giúp môi trường nước ổn định. Từ thực tế đó, ông bắt tay tìm nguồn con giống tốt và sử dụng công nghệ nano bạc trong xử lý phòng và trị bệnh cho cá.

Ông Nguyễn Văn Khôi đang giới thiệu phương pháp nuôi thủy sản trong ao nổi ứng dụng công nghệ sinh học

Do kết hợp giữa kinh nghiệm và tiến bộ kỹ thuật nên chất lượng cá giống của gia đình ông khá tốt. Cá bột, cá hương sau khi nhập về được ông xử lý trong bể nano trong thời gian 21 ngày; sau đó đưa ra ngoài ao ương chăm sóc khoảng 30 ngày trước khi xuất bán. Tiếng lành đồn xa, hiện tại thị trường cung ứng cá giống của gia đình ông từ Thừa Thiên Huế ngược ra toàn miền Bắc. Đặc biệt con giống chép lai Việt - Thái đã trở thành thương hiệu của gia đình như khả năng kháng bệnh tốt, hình thái đẹp, nuôi sau 10 tháng trọng lượng đạt từ 3,5 - 4 kg. Mỗi năm gia đình ông xuất bán 300 - 400 vạn chép lai, 100 vạn cá rô và trắm các loại, cùng với 100 nghìn tấn cá thương phẩm. Sau khi trừ chi phí, mỗi năm trang trại cho lãi trên 1 tỷ đồng.

Với hiệu quả từ phương pháp nuôi thủy sản trong ao nổi và ứng dụng công nghệ sinh học, hiện nay nhiều nông dân trên địa bàn tỉnh đã chuyển đổi đất ruộng trũng cấy lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản theo phương pháp này.

Ông Phạm Văn Tình - Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản tỉnh cho biết: Đến nay, toàn tỉnh đã có gần 200 ha ao nổi, trong đó có khoảng 20% diện tích ao nổi ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý nước và môi trường ao nuôi. Việc ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi thả thủy sản đã hạn chế tối đa dịch bệnh phát sinh, đặc biệt là vi sinh vật đơn bào gây bệnh (nấm, vi khuẩn, virus), đảm bảo cho thủy sản được phát triển trong một môi trường thuận lợi nhất, qua đó giảm chi phí quản lý dịch bệnh. Tuy vậy khi xử lý môi trường nước cần phải lựa chọn những dòng sản phẩm sạch, an toàn và quan trọng hơn là không gây ảnh hưởng tiêu cực tới thủy sản, từ đó tạo ra nguồn nước trong ao sạch hơn, cá ăn khỏe hơn nên có thể nuôi với mật độ dày hơn. Và để tiếp tục nhân rộng các mô hình nuôi thả thủy sản trên ao nổi ứng dụng công nghệ sinh học, thời gian tới Chi cục Thủy sản đẩy mạnh công tác tuyên truyền và chuyển giao công nghệ cho các hộ nuôi trên địa bàn tỉnh■

NGUYỄN QUANG TOAN
Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hải Dương

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH:
CÁCH TRỒNG BÍ XANH KHÔNG ĐẤT CỦA ANH NÔNG DÂN HUYỆN CỦ CHI

Xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh là một trong những xã có bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, sản xuất gắn liền với nhu cầu thị trường đạt hiệu quả cao. Tại đây, nhiều hộ dân đã mạnh dạn áp dụng những kiến thức kỹ thuật vào sản xuất để phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao. Những mô hình này đang từng bước gặt hái được nhiều thành công và một trong những minh chứng cho hướng đi thành công đó là mô hình trồng bí xanh không dùng đất của anh Lê Văn Thạnh.

Trồng bí xanh bằng giá thể tro trấu và xơ dừa giúp cây sinh trưởng, phát triển tốt

Hiện tại anh Thạnh là hộ dân đi đầu trong xã Thái Mỹ về mô hình trồng bí xanh trên các bầu giá thể sử dụng tro trấu và xơ dừa với diện tích gần 7 ha. Tận dụng những ưu điểm của bí xanh là loại quả dùng làm thực phẩm thông dụng cho mọi gia đình, tốt cho sức khỏe. Cây bí xanh có đặc tính dễ sinh trưởng, ngoài việc thu hoạch trái, còn có thể hái đọt non, lá và ngọn để tăng thu nhập. Vì thế, anh đã chọn cây bí xanh để đầu tư. Tuy nhiên, mô hình của anh có điểm đặc biệt là không trồng trên đất như những hộ khác mà anh trồng bí xanh trên giá thể xơ dừa và tro trấu với tỷ lệ 02 phần xơ dừa và 01 phần tro trấu.

Anh giải thích, hỗn hợp giá thể này có chức năng giữ ẩm cho bộ rễ, kết hợp với hệ thống tưới nhỏ giọt sẽ giúp cây tận dụng tối đa dinh dưỡng. Giá thể này cũng được sử dụng khi ươm cây non trong nhà màng. Sau 2 - 3 ngày, hạt nảy mầm, chắc cây, mới chuyển ra bầu giá thể để trồng. Thời gian từ khi bắt đầu trồng đến khi ra trái là 45 - 50 ngày. Thông thường trồng bí xanh có thể trồng ở mặt đất hoặc leo giàn, nhưng để tăng năng suất cao, dễ chăm sóc, thu hoạch,… anh đã làm giàn cho những thân bí. Trong quá trình chăm sóc, cần chú trọng đến việc cung cấp nước cho cây khi cây trưởng thành, nên sử dụng nước có độ pH từ 6 - 6,5.

Đề cập đến những bệnh thường gặp trên cây bí, anh Thạnh cho biết, với điều kiện khí hậu tại địa phương, bí thường bị bệnh teo đọt. Do đó, để kiểm soát, người trồng phải chăm sóc tỉ mỉ, khi cây ra đọt nên tỉa bớt những chồi không cần thiết để cây dồn dinh dưỡng nuôi trái. Ngoài ra, cần bón thêm phân hữu cơ vào gốc nhằm ủ gốc, giữ độ ẩm và dinh dưỡng để cây phát triển tốt. Mỗi vụ có thể bón 3 - 4 lần, lần thứ nhất khi cây con tỉa chồi, cắt ngọn; lần 2 là khi cây có trái; lần 3 là bí đến thời điểm thu hoạch lần đầu tiên và lần 4 là sau khi thu hoạch bí 1 - 2 đợt. Trong quá trình trồng, bí xanh cũng thường bị côn trùng châm chích trái, để hạn chế, người trồng nên sử dụng các loại bẫy bả sinh học treo dày đặc quanh giàn, giúp diệt côn trùng, trái bí lại giữ được màu xanh đẹp, tươi lâu sau khi thu hoạch.

Ngoài những kỹ thuật trên, khi trồng anh còn thiết kế bí thành hàng lối trên những luống cao, có thể thoát nước tốt với hệ thống giàn gồm các thanh ngang và lưới mắt cáo tạo điều kiện để cây non sau khi tỉa cành sẽ dễ dàng leo lên giàn. Cách làm tỉ mỉ như trên đã giúp anh gặt hái được thành công ngoài mong đợi. Mỗi năm, từ mảnh vườn gần 7 ha, anh Thạnh có thể cung cấp cho thị trường thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận khoảng 60 tấn bí xanh/năm.

Chia sẻ về những thành công của mình, anh Thạnh cho rằng: "Để đạt được kết quả trong sản xuất, người nông dân phải thật sự yêu nghề và chịu khó học tập kiến thức và kinh nghiệm, chọn lọc cho mình những kỹ thuật phù hợp,… sẽ giúp mô hình tránh được những rủi ro và từng bước thành công"■

MINH HIẾU
Trung tâm Khuyến nông TP. Hồ Chí Minh

CÁCH NHẬN BIẾT VÀ KHẮC PHỤC MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP BẤT THƯỜNG CỦA MÀU NƯỚC AO NUÔI CÁ

Trong quá trình chăm sóc, quản lý ao nuôi cá, việc kiểm soát màu nước ao là rất cần thiết, bởi màu nước ao phản ánh chỉ số của các yếu tố môi trường đang ở ngưỡng thích hợp hay ở mức báo động đối với sức khỏe của động vật thuỷ sản nuôi. Thực tế trong quá trình nuôi cá, màu nước ao có thể biến đổi, đòi hỏi người nuôi phải có kiến thức nhận biết để đánh giá chất lượng nước một cách chính xác thì mới có thể kịp thời xử lý. Dưới đây xin chia sẻ cùng bà con cách nhận biết và khắc phục một số màu nước gây bất lợi trong nuôi cá nước ngọt.

1. Ao nổi nhiều váng xanh

a. Nguyên nhân

Do sự phát triển của tảo lam (*Cyanophyta spp*) hay còn gọi là vi khuẩn lam. Khi tảo lam phát triển quá nhanh gây hiện tượng "tảo nở hoa", tảo tàn và nổi lên tạo thành lớp váng trên mặt ao, thường gọi là váng tảo. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là do một trong các nguyên nhân: Ao bón quá nhiều phân chuồng, cho cá ăn dư thừa thức ăn tạo thành mùn bã hữu cơ làm ô nhiễm đáy ao, không thay nước kịp thời hoặc tẩy dọn đáy ao chưa đảm bảo khi bước vào vụ nuôi.

b. Hậu quả

Tảo lam phát triển mạnh, xuất hiện màng nhầy và kết thành từng mảng; ban đầu chỉ là một đám nhỏ, sau thời gian lan rộng phủ kín một phần diện tích bề mặt ao. Tảo kéo từng tảng theo chiều gió đến góc ao, sau đó tàn lụi rồi chìm xuống đáy ao và bị phân hủy. Quá trình phân hủy này sử dụng oxy và sinh ra các khí độc cho cá như NO_2, NH_3, H_2S, xảy ra tình trạng ô nhiễm và thiếu oxy trong ao, gây ngạt cá, đặc biệt cá trắm cỏ (loài ưa môi trường nước sạch). Cá giảm ăn sau đó bỏ ăn, thường xuyên nổi trên mặt nước, chậm phát triển, giảm sức đề kháng, từ đó dễ phát sinh bệnh, thậm chí cá bị chết. Ngoài ra, tảo còn tiết ra độc tố gây độc cho cá, đặc biệt là những loài cá ăn lọc như cá mè trắng, mè hoa.

Hàng ngày vệ sinh ao, vớt hết váng đổ xa bờ ao

c. Biện pháp khắc phục

Tảo lam có khả năng phục hồi quần thể tốt nên chúng khó bị tiêu diệt hơn các loài tảo khác. Người nuôi cần thực hiện đồng bộ biện pháp theo các bước sau:

Bước 1: Cắt nguồn dinh dưỡng đưa xuống ao, thay nước, tăng cường oxy

- Dừng ngay việc đưa phân xuống ao (như phân vịt, phân lợn, phân gà…) nếu đang sử dụng phân chuồng.

- Giảm 1/2 lượng thức ăn của cá. Cần theo dõi, tính toán lượng thức ăn để cá ăn đủ, không để dư thừa. Dừng cho cá ăn 1 ngày nếu cá có hiện tượng nổi đầu và không ăn. Nếu trong ao có nuôi cá trắm cỏ, hàng ngày phải vệ sinh vớt hết cỏ dư thừa lên khỏi ao để tránh thối nước.

- Thay 30 - 40% lượng nước trong ao, bằng cách rút nước đáy và bổ sung nước tầng mặt, thay 2 - 3 ngày liên tục tùy theo mức độ ô nhiễm của ao. Nước cấp vào phải đảm bảo sạch và được lọc qua túi lọc tại cống cấp, nhằm loại bỏ các mầm bệnh, cá tạp từ bên ngoài xâm nhập vào ao nuôi.

- Dùng quạt khí để tăng cường oxy và đẩy khí độc ra khỏi ao. Hoặc dùng vòi nước bơm từ trên cao xuống ao cũng có thể tăng cường oxy cho ao.

- Hằng ngày vệ sinh ao, vớt hết váng tảo đổ xa bờ ao.

Bước 2: Tiêu diệt tảo

- Dùng một trong những thuốc khử trùng có thể diệt tảo: BKC, BKA, đồng sunphat ($CuSO_4.5H_2O$), TCCA, vôi; dùng 1 - 2 lần, mỗi lần cách nhau 2 - 3 ngày; liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì. Lưu ý, dùng vôi có thể diệt tảo trong thời gian cấp bách nhưng sẽ tạo ra mùi tanh, bẩn, nhất là những ngày nắng nóng nên không sử dụng vôi để tiêu diệt tảo.

Bước 3: Làm sạch môi trường nước và đáy ao

- Sau khi khử trùng 1 - 2 ngày, dùng chế phẩm sinh học có các thành phần: Bacillus, Lactopacillus, Nitrobacter, Nitrosomonas, có chứa những vi khuẩn có thể làm giảm hàm lượng Nitrit (NO_2-), chuyển Nitrit thành nitrat (NO_3-) giảm độc cho cá. Sau 7 - 10 ngày tiếp tục dùng chế phẩm sinh học EM, Zeo Bacillus, Yucca Zeo (theo hướng

dẫn của nhà sản xuất) để phân hủy xác tảo, tránh hiện tượng tảo tái xuất hiện. Đồng thời, còn giúp phân hủy các chất thải, mùn bã hữu cơ đáy ao, phân cá, thức ăn dư thừa trong nước, tạo vi sinh vật có lợi, ức chế vi sinh vật có hại. Nếu bùn ao dày, đen có thể dùng chế phẩm vi sinh Zeolite để hấp thụ các khí độc.

Lưu ý: Nếu chỉ xử lý nước mà không cắt nguồn dinh dưỡng đưa xuống ao thì việc xử lý tảo sẽ không hiệu quả và tốn kém vì tảo có thể phát triển trở lại trong ao.

Bước 4: Phòng bệnh cho cá

- Sau khi cá trải qua đợt bị nhiễm độc, thiếu ôxy, sức đề kháng giảm. Vì vậy cần dùng một số thảo dược như bột tỏi, Ekavarine để phòng bệnh cho cá; đồng thời tăng sức đề kháng và chống sốc cho cá bằng Vitamin C, B1.

- Định kỳ mỗi tháng 2 lần sử dụng vôi bột với liều lượng từ 2 - 4 kg/100 m^3 nước, hòa đều vào chậu, tạt đều khắp ao để phòng bệnh cho cá.

- Quản lý môi trường nước: Cần phải duy trì độ trong cho nước ao trong suốt quá trình nuôi ở ngưỡng 30 cm, nếu độ trong không đảm bảo phải kịp thời xử lý nước ao. Đối với ao nuôi cá thịt cần phải đảm bảo độ sâu từ 1,5 - 2m để ổn định môi trường nước, nếu dưới 1,5m các yếu tố môi trường trong ao dễ biến động, có thể làm nước bị ô nhiễm trở lại.

Chú ý: Đối với ao mà cá đã bị nhiễm trùng do nước ô nhiễm, nếu chỉ tiêu diệt tảo và khử trùng nước thì chưa mang lại hiệu quả, mà cần phải kịp thời dùng kháng sinh chữa trị cho cá.

2. Nước ao có màu vàng

a. Nguyên nhân

Đối với ao nuôi cá nước ngọt giai đoạn đầu nếu thấy xuất hiện váng màu vàng hoặc có màu bồ hóng, có thể do một trong các nguyên nhân sau:

- Nguồn nước vào ao từ nước giếng khoan bị nhiễm phèn: Trong nước giếng khoan có thành phần Fe_2, khi kết hợp với oxy chuyển thành Fe_3 và tạo kết tủa thành váng màu vàng.

- Ao mới đào ở khu vực đất bị nhiễm phèn, khi cải tạo ao thau rửa xì phèn chưa đảm bảo trước khi đưa vào sử dụng.

b. Hậu quả

Nước bị nhiễm phèn có pH thấp, làm cho lượng khí H_2S tăng cao, gây ức chế quá trình trao đổi chất và chuyển hóa oxy của cá nuôi, giảm khả năng sinh trưởng của cá, có thể làm cá chết, thậm chí chết hàng loạt. Ngoài ra ao nuôi bị nhiễm phèn còn làm cho tảo chậm phát triển, từ đó rất khó gây màu nước ao.

c. Khắc phục

- Thay 30% lượng nước trong ao, thay từ 2 - 3 ngày liên tục tuỳ theo mức độ ô nhiễm của nước. Lấy nước sạch từ hệ thống mương thủy lợi vào ao (không cấp nước giếng khoan) để pha loãng nước và nâng độ pH đến ngưỡng thích hợp 6,5 - 8,5.

- Sử dụng vôi bột bón xuống ao, với liều lượng 3 kg vôi/100 m^3 nước, hòa tan té đều khắp ao, té 1 - 2 lần. Đối với ao mới đào, đang nuôi cá, cần rải thêm vôi trên bờ ao vào những ngày trời mưa do nước mưa có chứa axit và lượng xì phèn trên bờ trôi xuống ao làm giảm pH đột ngột.

- Trước khi cấp nước giếng khoan vào ao nuôi, phải kiểm tra xem nước có bị nhiễm phèn hay nhiễm sắt hay không. Tốt nhất không nên sử dụng hoàn toàn nước giếng khoan để nuôi cá, chỉ nên dùng để cấp bổ sung vào ao.

- Tăng cường quạt khí nhằm cung cấp đủ dưỡng khí cho cá.

Người nuôi cần thường xuyên quan sát sự biến đổi của nước ao để có hướng xử lý kịp thời

Ngoài ra, những ao đang trong vụ nuôi, ao giàu dinh dưỡng mà chuyển màu nâu đỏ hoặc gạch cua là do sự phát triển mạnh của một số tảo như tảo nâu, tảo giáp. Đối với những ao này có thể áp dụng biện pháp khắc phục như trường hợp ao có tảo lam phát triển mạnh. Ngoài ra màu nâu đỏ còn do độ pH thấp (nước ao chua) khi ao có độ pH thấp cần bón vôi (CaO) để nâng độ pH, lượng vôi bón phụ thuộc vào độ pH cao hay thấp.

Màu nước ao thích hợp cho sự phát triển của cá là màu xanh nõn chuối (màu xanh nhạt). Nước màu xanh nhạt do sự phát triển của tảo lục (*chlorella spp).* Tảo này ngoài việc đóng vai trò quan trọng trong chuỗi thức ăn, còn có tác dụng ổn định các yếu tố thủy lý hóa trong ao, hấp thu các chất hữu cơ, thông qua đó làm giảm lượng khí độc trong ao. Vì vậy, người nuôi nên thường xuyên quan sát sự biến đổi của nước ao nhằm duy trì màu nước xanh nhạt sẽ giúp cá sinh trưởng, phát triển tốt và có được vụ nuôi thành công■

NGUYỄN THỊ MAI
Chi cục Chăn nuôi và Thú y Bắc Ninh

NGUYÊN NHÂN GÂY BỆNH TRẮNG LÁ MÍA VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ BỆNH HẠI

Bệnh trắng lá mía được phát hiện đầu tiên tại một số vùng trồng mía ở các tỉnh phía Nam nước ta như Đồng Nai, Bình Thuận... vào năm 1996. Hiện nay, bệnh xuất hiện ở hầu hết các vùng trồng mía trên cả nước, đặc biệt bệnh gây hại tại các vùng trồng mía của Duyên hải Nam Trung Bộ (Khánh Hòa), Đông Nam Bộ (Tây Ninh), Tây Nguyên (Gia Lai). Khi bị bệnh, lá non bị trắng hoàn toàn, cây thấp lùn không phát triển được sau đó bị khô và chết. Bệnh trắng lá lây lan nhanh và gây hại trên nhiều giống mía khác nhau làm gây thiệt hại lớn đến năng suất, chất lượng mía và gián tiếp ảnh hưởng đến đời sống của người dân trồng mía.

Trong những năm gần đây, Viện Bảo vệ thực vật đã có một số nghiên cứu về bệnh trắng lá mía và đưa ra một số giải pháp quản lý bệnh hại, cụ thể như sau:

Ruộng mía bị bệnh trắng lá tại tỉnh Khánh Hòa, năm 2016

1.Tác nhân gây bệnh trắng lá mía tại Việt Nam

a. Triệu chứng bệnh trắng lá mía

Ban đầu có một vài lá trắng, sau đó tất cả các lá trắng, cây chậm phát triển, xuất hiện các chồi bên, các đốt thân ngắn lại. Cây không có khả năng phát triển như bình thường nên bị khô và bị chết.

b. Xác định tác nhân gây bệnh trắng lá mía

- Phương pháp nhuộm DAPI:

Kỹ thuật nhuộm mô bằng nhuộm Dienes (Deenley *et al.,* 1979), hoặc nhuộm bằng 4',6-diamidino-2-phenylindole dihydrochloride (DAPI) đã được sử dụng để phát hiện phytoplasma gây bệnh cây (Arismendie et al., 2010; Andrade and Arismendi, 2013). Tiến hành thí nghiệm nhuộm DAPI nhằm phát hiện sự có mặt của phytoplasma trong mẫu bệnh trắng lá mía còn tươi tại phần gân và phiến lá. Quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang ở vật kính 10x và 40x, đã ghi nhận sự có mặt của thể phytoplasma màu đỏ nhạt trên mô tế bào mạch dẫn của gân lá và phiến lá mía bị bệnh trắng lá, còn trên mô tế bào mạch dẫn của gân lá và phiến lá cây mía khỏe thì không thấy (hình 2a). Các mô khác của tế bào như mô xylem sẽ bắt màu xanh của thuốc nhuộm, còn thể phytoplasma sẽ bắt màu hồng hoặc đỏ nhạt (Andrade and Arismendi, 2013).

- Phát hiện phytoplasma gây bệnh trắng lá mía bằng kỹ thuật Nested-PCR

Phương pháp xác định phytoplasma có độ chính xác cao là phương pháp sinh học phân tử sử dụng kỹ thuật Nested-PCR với cặp 2 cặp mồi P1/P7 và R16F2n/R16R2 kết hợp với phân tích trình tự DNA. Sản phẩm PCR sau phản ứng lần 1 với cặp P1/P7 được pha loãng 30 lần để làm mẫu cho phản ứng PCR lần 2 sử dụng cặp mồi R16F2n/R16R2. Kết quả cho thấy, 6/6 mẫu thử nghiệm đều phản ứng dương tính và cho sản phẩm PCR có kích thước mong đợi khoảng 1,2kb (hình b).

Sản phẩm Nested-PCR của các mẫu được giải trình tự 2 chiều dùng mồi PCR. Kết quả giải trình tự thu được kích thước của mẫu đạt khoảng 1.200bp. BLAST trình tự mẫu trên ngân hàng gen NCBI để tìm kiếm các

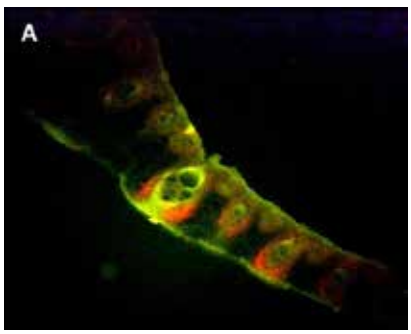

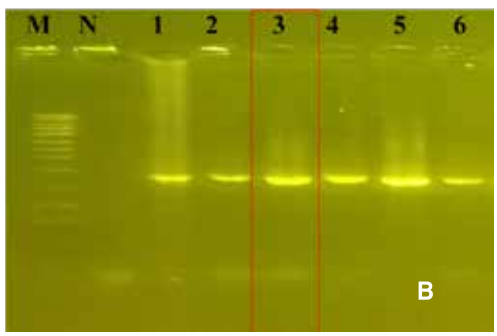

Xác định tác nhân gây bệnh trắng lá mía. (a) Kết quả nhuộm DAPI; (b)Kết quả điện di sản phẩm nested PCR dùng cặp primer P1/P7-R16F2n/R16R2.M: Thang marker DNA 1kb (Fermentas, Đức); N: Đối chứng âm, từ 1 đến 6: các mẫu thử nghiệm

trình tự đoạn gene tương đồng thuộc vùng 16S RNA ribosome. Kết quả cho thấy các mẫu đều có độ tương đồng cao (99 - 100%) với các mẫu SCWL. Như vậy, bệnh trắng lá mía tại Việt Nam do *SCWL phytoplasma* gây ra.

c. Nghiên cứu phương thức lan truyền của bệnh trắng lá mía trên đồng ruộng

Việc xác định phương thức lan truyền bệnh trắng lá mía cho thấy phytoplasma được truyền từ cây này sang cây khác thông qua việc ghép, trồng mới bằng hom giống nhiễm bệnh và côn trùng chích hút thông qua mạch libe, đặc biệt là các loài rầy (McCoy *et al*., 1989).

Bệnh trắng lá mía thường biểu hiện ở hầu hết các giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây mía. Bệnh dễ dàng quan sát thấy khi cây ở giai đoạn nảy mầm và đẻ nhánh. Tuy nhiên, các chồi bị bệnh trắng lá không có khả năng quang hợp và tổng hợp chất dinh dưỡng nên bị khô và chết dần sau đó. Ở các giai đoạn sau, các nhánh không biểu hiện bệnh vẫn phát triển, một số ít chồi mới vẫn có thể được tạo thành và biểu hiện bệnh, nhưng không thể phát triển thành cây hoàn chỉnh.

Song song với các nghiên cứu tác nhân gây bệnh trắng lá mía, môi giới truyền bệnh trắng lá mía đã được nghiên cứu trong nước và trên thế giới. Tại Thái Lan, các kết quả nghiên cứu đã xác định hai loài rầy *Matsumuratettix hiroglyphicus* và *Yamatotettix flavovittatus* là môi giới truyền bệnh trắng lá mía quan trọng (Hanboonsong *et al*., 2002, 2006). Một số báo cáo về khả năng truyền bệnh chồi cỏ mía của loài côn trùng *Deltocephalus vulgaris* tại Ấn Độ (Singh *et al*., 2002; Srivastava *et al*., 2006). Tuy nhiên, loài *D. vulgaris* chưa thấy xuất hiện tại Việt Nam, do đó, loài côn trùng khác sẽ đóng vai trò môi giới truyền bệnh chồi cỏ mía trong điều kiện Việt Nam (Hoat *et al*., 2010). Vũ Triệu Mân và cộng sự (2002) đã thực hiện thí nghiệm lây bệnh nhân tạo và ghi nhận rằng không có loài nào trong số các loài *Aphis sarichari, Aphis gosypii, Myzus persicae* và *Bemisia* sp. là môi giới truyền bệnh trắng lá mía tại Việt Nam.

Tại Việt Nam, các kết quả điều tra thành phần rầy tại Khánh Hòa năm 2015-2017 cho thấy, trên ruộng mía xuất hiện trên 10 loài rầy. Tuy nhiên số lượng rầy trung bình thu được rất ít từ 5 - 25 rầy/đèn. Trong đó có xuất hiện hai loài rầy *Matsumuratettix hiroglyphicus* và *Yamatotettix flavovittatus* được cho là môi giới truyền bệnh tại Thái Lan. Mặt khác, hai loài rầy này thường xuất hiện ở giai đoạn cây mía vươn lóng - chín. Đây là giai đoạn cây mía ít biểu hiện bệnh trắng lá mía nhất.

Cho đến nay, một trong những biện pháp cho hiệu quả cao nhất trong phòng trừ các bệnh trắng lá mía do phytoplasma gây ra là sử dụng hom giống sạch bệnh, bên cạnh đó việc phòng trừ các loài môi giới truyền bệnh có thể ngăn chặn sự lây lan và chống tái nhiễm trên đồng ruộng *(Lee et al., 2000).*

2. Một số biện pháp quản lý bệnh trắng lá mía tại Việt Nam

a. Biện pháp giống

- Mỗi vùng sản xuất nguyên liệu mía (nhà máy mía đường, viện nghiên cứu, trung tâm giống…) phải có vùng sản xuất nhân giống mía sạch bệnh 3 cấp (cơ bản, kiểm định và thương phẩm), được cấp chứng chỉ giống sạch bệnh và có khả năng cung cấp đủ nhu cầu giống thương phẩm sạch bệnh để trồng mới hàng năm cho nông dân.

- Cây làm giống phải được chọn từ vùng sản suất giống thương phẩm sạch bệnh, cây khỏe, sinh trưởng tốt không bị nhiễm bệnh.

- Không sử dụng mía ở những ruộng/vùng đã bị nhiễm bệnh làm hom giống trồng mới.

- Không mua bán, vận chuyển hom giống từ những ruộng/vùng bị nhiễm bệnh sang vùng chưa nhiễm bệnh;

- Giống mía nhập nội vào địa bàn phải thực hiện nghiêm túc công tác kiểm dịch thực vật. Trồng theo dõi 3 vụ liên tiếp nhằm khẳng định tính thích nghi, tính chống chịu bệnh mới đưa ra sản xuất đại trà.

b. Biện pháp canh tác

- Trồng mía đúng thời vụ, bón phân cân đối phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng phát triển, tưới nước hợp lý giúp cây mía sinh trưởng, phát triển thuận lợi.

- Vệ sinh đồng ruộng sau mỗi vụ thu hoạch; lưu ý chặt sát gốc mía, không để gốc mía quá cao. Hàng năm, sau mỗi lần bóc lá, thu hoạch, sử dụng lá mía che phủ lên toàn bộ mặt luống thành lớp dày từ 5 - 10 cm hoặc dày hơn phụ thuộc vào lượng lá mía thu được.

- Chuyển đổi những diện tích mía có năng suất thấp, mía trồng trên đồi cao thiếu nước, bị nhiễm bệnh nặng sang trồng các loại cây trồng khác tùy thuộc vào điều kiện phù hợp của địa phương.

- Trồng hỗn hợp nhiều giống mía có mức độ kháng, nhiễm khác nhau trên một ruộng hoặc trên một tiểu khu vực.

c. Công tác bảo vệ thực vật

- Thường xuyên điều tra, kiểm tra đồng ruộng, dự tính dự báo chính xác tình hình gây hại của bệnh trắng lá mía nhằm xử lý triệt để nguồn bệnh ngay từ khi mới phát sinh không để lây lan.

- Không nên phun thuốc hóa học phòng trừ môi giới truyền bệnh (các loại rầy, rệp,…). Phun thuốc chỉ nên áp dụng tại các ruộng sản xuất giống, những ruộng này cần chăm sóc tốt và bóc lá■

VIỆN BẢO VỆ THỰC VẬT

KỸ THUẬT NUÔI ONG MẬT

Những năm qua, nghề nuôi ong lấy mật phát triển mạnh ở quy mô nông hộ. Để nuôi ong mật cho hiệu quả cao, người chăn nuôi cần chú trọng đến kỹ thuật nuôi từ khâu chọn giống, chọn địa điểm, tạo chúa….cho đến thu hoạch mật. Dưới đây, Ban biên tập Bản tin Khuyến nông Việt Nam xin giới thiệu đến quý bạn đọc kỹ thuật nuôi ong mật (giống ong nội).

1. Lựa chọn đàn ong giống

- Đàn ong giống phải có nguồn gốc rõ ràng; ong chúa dưới 6 tháng tuổi; không nhiễm bệnh ấu trùng; quân đậu kín 2 mặt cầu; bánh tổ mới, màu vàng và có đủ trứng, ấu trùng, nhộng, mật phấn dự trữ.

- Thùng và cầu ong đúng tiêu chuẩn về kích thước.

2. Kỹ thuật nuôi ong cơ bản

a. Chọn địa điểm nuôi ong

- Gần nguồn mật, phấn hoa, khoảng cách kiếm ăn hiệu quả từ tổ ong đến nguồn thức ăn khoảng 500 - 700 m.

- Chỗ đặt thùng ong cần bằng phẳng, khô ráo, mát về mùa hè, ấm về mùa đông, không ngập lụt về mùa mưa. Trong điều kiện có đầy đủ nguồn mật, phấn nên bố trí đặt đàn ong với mật độ 40 đàn/ha, khoảng cách giữa các đàn tối thiểu 2 km đối với những đàn có quy mô tối đa 100 thùng.

b. Dụng cụ nuôi

- Thùng ong: Làm bằng gỗ khô hoặc nguyên liệu phù hợp, kích thước bên trong là 46,5 cm (dài) x 38 cm (rộng) x 24,5 cm (cao), có cửa sổ để thuận tiện khi di chuyển đàn ong.

- Các dụng cụ khác, bao gồm: Mũ lưới, bộ tạo chúa, bộ gắn tầng chân, lưới lọc mật, dao cắt mật, thùng quay mật...

Người nuôi ong lưu ý lựa chọn chỗ đặt thùng ong cần khô ráo, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông

c. Tạo chúa

Mục đích: Tạo ra các ong chúa mới để nhân thêm đàn ong, thay ong chúa già, ong chúa của đàn bị bệnh.

* Phương pháp:

- Sử dụng mũ chúa chia đàn tự nhiên: Vào mùa ong chia đàn tự nhiên, chọn các mũ chúa to, dài, thẳng từ những đàn ong chia đàn đông quân nhiều cầu, khỏe mạnh. Dùng dao sắc cắt trên gốc mũ chúa 1,5 cm theo hình chữ V để gắn vào đàn ong cần thay chúa.

- Tạo chúa cấp tạo: Chọn đàn theo tiêu chuẩn tụ đàn lớn, năng suất mật cao, không nhiễm bệnh ấu trùng, hiền lành để tạo chúa.

+ Tiến hành: Bắt chúa khỏi đàn, loại bỏ 1 - 2 cầu, sau 2 - 3 ngày kiểm tra loại bỏ tất cả các mũ chúa trên bề mặt bánh tổ và mũ chúa đã vít nắp, cho đàn ong ăn 3 - 4 tối liên tục, 9 - 10 ngày sau cắt những mũ chúa đã chín để sử dụng.

- Tạo chúa di trùng: Khi số đàn ong trong trại từ 10 đàn trở lên, tạo chúa theo phương pháp di trùng là cần thiết nhằm chủ động về thời gian, số lượng và chất lượng ong chúa.

+ Chuẩn bị dụng cụ tạo chúa: Quản chúa đường kính 7 - 7,5 cm, khung cầu tạo chúa, kim di trùng, sáp vít nắp...

+ Chọn đàn mẹ: Theo tiêu chuẩn đàn làm giống.

+ Chọn đàn nuôi dưỡng: Đông quân, không bị bệnh, dự trữ mật phấn nhiều, có biểu hiện chia đàn tự nhiên. Tách chúa khỏi đàn nuôi dưỡng và rũ bớt cầu để tăng cường ong thợ nuôi dưỡng ấu trùng ong chúa, cho ong ăn thêm.

d. Chia đàn

- Chia đàn song song: Là chia 1 đàn ong ban đầu thành 2 đàn ong mới đặt song song với nhau cách đều vị trí ban đầu.

+ Tiến hành: những ngày thời tiết nắng ấm, vào buổi chiều, đem thùng không có ván ngắn đã vệ sinh sạch sẽ đặt cạnh đàn định

chia, chia đều số cầu, số quân, số con (trứng, ấu trùng, nhộng) thức ăn về 2 đàn ong. Đặt 2 thùng ong song song với nhau về 2 bên và cách vị trí đàn cũ khoảng 20 - 30 cm, cần biết rõ ong chúa ở đàn nào để giới thiệu chúa vào đàn không chúa. Quan sát ong đi làm về, nếu đàn nào về nhiều cần dịch ra xa và đặt đàn kia gần lại. Trường hợp ong vẫn về 1 đàn sau khi điều chỉnh, cần đổi vị trí 2 đàn cho nhau. Chú ý nếu chia đàn sử dụng mũ chúa, khi chúa tơ đã tập bay thì không được điều chỉnh vị trí đàn chia nữa.

- Chia đàn rời chỗ: Là phương pháp chia một nửa đàn ong giống như chia song song hoặc tách một phần đàn rồi chuyển đến chỗ mới cách vị trí đàn cũ khoảng 1 km trở lên.

+ Tiến hành: Mang thùng không đặt cạnh đàn định chia. Tách 1 nửa hoặc một phần đàn với các cầu có mật vít nắp, phấn và con, quân phủ kín cầu cho vào thùng đến nơi có địa hình quang đãng, nên để đàn giới thiệu mũ chúa lại. Trường hợp giới thiệu mũ chúa vào đàn chuyển đi nên giới thiệu mũ chúa sau khi đàn ong đã được chuyển đến nơi mới.

e. Quản lý ong bốc bay và cho ăn bổ sung

- *Ong bốc bay:* Do bị thiếu thức ăn, bị các bệnh thối ấu trùng, bị các kẻ thù phá hoại như sâu ăn sáp, kiến, ong rừng hoặc sai sót trong kỹ thuật quản lý như đặt nơi không phù hợp, đàn ong bị chấn động...

+ Đề phòng: Cần duy trì đàn ong có đủ mật, phấn dự trữ; phòng trừ địch hại kịp thời, viện cầu tiêu chuẩn cho đàn ong sắp bốc bay, thường xuyên kiểm tra đàn ong.

+ Khi đàn ong đã bốc bay, nhanh chóng bắt lại, đến tối rũ ong vào thùng đã chuẩn bị sẵn từ 1 đến 2 cầu ong có mật vít nắp, phấn, trứng, ấu trùng, nhộng.

- *Cho ong ăn bổ sung:* Hàng năm vào tháng 7 - 8, tháng 1 - 2 ở phía Bắc và tháng 7 - 9 ở các tỉnh phía Nam, khi ngoài tự nhiên thiếu thức ăn hoặc do thời tiết xấu kéo dài khiến ong không đi làm được thì phải cho ong ăn bổ sung.

+ Cách cho ăn: Pha nước đường đặc, tỷ lệ 1,5 đường : 1 nước, cho ăn ít lần nhưng lượng nhiều trong 3 - 4 tối liên tục đến khi các lỗ mật vít nắp. Thông thường, 1 đàn ong 3 cầu cho ăn khoảng 1 -1,5 kg đường kính trắng.

- *Cho ong ăn kích thích:* Khi thức ăn ở ngoài tự nhiên chỉ đủ duy trì, cho ong ăn kích thích để thúc ong chúa đẻ nhiều hơn, ong thợ tích cực kiếm ăn, xây cầu nhanh hơn...

+ Cách cho ăn: Pha nước đường loãng, tỷ lệ 1 đường : 1 nước, cho ăn nhiều lần nhưng lượng ăn ít. Mỗi đàn ong 3- 5 cầu, cho ăn khoảng 0,2 - 0,3 kg đường/tối, trong 2 - 3 tối, sau đó nghỉ 2 - 3 tối rồi lại cho ăn 2 - 3 tối nữa.

e. Thu hoạch mật ong

- Chuẩn bị dụng cụ: Rửa sạch, phơi khô máy quay mật, dao cắt vít nắp, lưới lọc mật, đồ chứa mật.

- Quay mật khi thấy ong đi làm nhiều, các bánh tổ có lỗ mật vít nắp trắng, cơi cao (trên 70% lỗ tổ mật vít nắp), trên cây có khoảng 20 - 25% hoa nở. Nơi quay mật phải sạch sẽ. Nên quay vào buổi sáng để mật đặc hơn, không lẫn mật mới lấy về.

- Các bước thu hoạch mật:

+ Rũ ong khỏi cầu.

+ Dùng dao sắc hớt nhẹ vít nắp lỗ tổ mật, đưa dao từ dưới lên trên tránh làm vỡ các lỗ tổ.

+ Đặt các cầu đã cắt vít nắp vào khung máy quay; quay đều tay với tốc độ tăng dần, khi hết mật thì giảm dần tốc độ để bánh tổ không bị vỡ và ấu trùng không bị văng ra.

+ Trả bánh tổ đã quay vào đàn để ong ủ ấm ấu trùng.

+ Lọc mật bằng vải màn hoặc lưới inox có mặt lưới từ 8 đến 32 lỗ/cm^2.

+ Bảo quản mật trong can, chai, có nút đậy kín ở nơi thoáng, mát; không để gần các chất có mùi như dầu hoả, mắm tôm…■

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

KỸ THUẬT CHĂM SÓC VÀ THU HOẠCH ĐẬU TƯƠNG VỤ ĐÔNG

1. Chăm sóc

Tỉa, dặm: Khi cây có 1 - 2 lá thật, kiểm tra tỉa bỏ các cây còi cọc, sâu bệnh, chỉ để lại 1 - 2 cây đậu khỏe/khóm. Dặm cây mới vào những chỗ cây bị chết.

Xới xáo: Áp dụng cho chân đất khô và đất sau gặt lúa với phương thức gieo theo hàng gốc rạ; Không áp dụng với phương thức không làm đất gieo trên nền đất ướt có phủ rơm rạ. Lần 1: Khi cây có 2 - 3 lá thật, xới nhẹ vào gốc, tỉa định cây, kết hợp bón thúc lần 1. Lần 2: Khi cây có 5 - 6 lá thật, xới vun cao sát gốc, kết hợp bón thúc lần 2.

Xới xáo cho đậu tương

Tưới nước: Nguyên tắc chung cần giữ độ ẩm đồng ruộng thường xuyên 65 - 70% độ ẩm tối đa. Tưới nước vào các thời kỳ 2 - 4 lá thật, trước khi ra hoa, hình thành quả và quả trưởng thành (có thể tưới bất kỳ giai đoạn nào khi cần để đảm bảo độ ẩm yêu cầu nêu trên).

Cách tưới: Tưới rãnh ngập 2/3 luống để ngấm đều, sau đó tháo cạn.

2. Phân bón

a. Lượng phân bón

Lượng phân bón cho 1 ha đậu tương trồng thuần:

- Phân bón hữu cơ: 8 - 10 tấn phân chuồng hoai mục, nên ủ phân bằng nấm Trichoderma, vừa phân hủy tốt xác bã hữu cơ, vừa cung cấp một số chủng nấm đối kháng diệt một số nấm có hại trong đất trồng đậu tương. Trong trường hợp không có phân chuồng thì dùng 1,5 - 2 tấn phân hữu cơ vi sinh.

- Vôi bột: 400 - 500 kg.

- Dinh dưỡng nguyên chất: 10 - 20 kg N, 30 - 60 kg P_2O_5, 40 - 70 kg K_2O tùy theo giống.

b. Cách bón

Toàn bộ phân hữu cơ kết hợp với phân lân trộn đều rồi ủ kỹ trước khi bón để tăng hiệu quả sử dụng phân. Vôi bột rắc đều lên mặt luống khi làm đất.

- Bón lót toàn bộ phân chuồng hoai mục (hoặc hữu cơ vi sinh) + toàn bộ phân lân + 1/3 lượng đạm + 1/3 lượng kali trước lúc bừa lần cuối cùng hoặc bón vào hốc, vào hàng đã rạch. Trước khi gieo hạt cần phủ lớp đất mỏng lên phân đã bón lót, tránh để hạt tiếp xúc với phân bón.

- Bón thúc lần 1: 1/3 lượng đạm + 1/3 lượng kali khi cây có 2 - 3 lá thật.

Bón thúc lần 1 cho đậu tương

- Bón thúc lần 2: Số phân còn lại khi cây có 5- 6 lá thật, kết hợp làm cỏ và vun xới. Lưu ý: Những vùng đất chua nên bón phân lân nung chảy.

3. Phòng trừ sâu bệnh: Chú ý phòng trừ một số sâu bệnh hại chủ yếu như: ruồi đục thân, sâu đục quả, sâu cuốn lá, bệnh sương mai, lở cổ rễ, gỉ sắt…

- *Ruồi đục thân:* Trong vụ Đông, sâu non (dòi) phá hại nặng trên cây con vào tháng 10, 11. Con trưởng thành (ruồi nhỏ) phá hại ở các bộ phận lá và thân cây.

Phòng trừ bằng cách phun các loại thuốc có hiệu lực cao như: Angun 5ME, Golnitor 50WDG, Soka 25EC... khi đến ngưỡng theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- *Sâu đục quả:* Sâu tập trung phá hại khi cây ra quả non, hạt mới hình thành. Sâu non gặm vỏ quả, đục vào trong ăn hạt đậu tương làm cho hạt bị khuyết từng phần hoặc bị rỗng bên trong, làm giảm năng suất. Ngoài ra, sâu còn đục phá thân cây, làm cây sinh trưởng chậm hoặc chết khô. Sâu non phân bố và gây hại trong ruộng đậu tương ở xung quanh bờ nhiều hơn ở giữa ruộng. Đậu tương càng gieo trồng muộn càng bị hại nặng.

Trừ sâu đục quả bằng cách phun thuốc trừ sâu non như Surpacide 40ND, Dipterex, Fastas 5EC, Fortac 5EC... theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- *Sâu cuốn lá:* Sâu cuốn lá đậu tương phát sinh quanh năm trên đồng ruộng. Mật độ của sâu tăng nhanh và gây hại lớn nhất vào thời kỳ cây 4 - 6 lá kép và quả đang phát triển. Khi trưởng thành, sâu hoạt động mạnh vào chiều tối, thích ánh sáng đèn; thông thường đẻ trứng ở mặt dưới lá non.

Phòng trừ: Luân canh đậu tương với lúa hoặc các cây họ hòa thảo, bông... có tác dụng hạn chế sâu hại rõ rệt. Bảo vệ và tăng cường hoạt động của thiên địch bằng cách trồng xen đậu tương với cây trồng khác. Thời kỳ sâu

thường gây hại nặng là khi cây có từ 3 - 4 lá kép đến lúc quả non. Khi cần thiết dùng các loại thuốc có hiệu quả diệt sâu cao như Bulldock 25 EC (Beta - Cyflutlirin) 0,8 - 1 lít/ha, Forvin 85 WP (Carbaryl) 0,75 - 1 kg/ha, Karate 25 EC (Lambda - Cyhalothrin) 0,3 - 0,5 lít/ha; Baythroid 50 EC. 5 SL (Cyfluthrin) 0,6 - 0,8 lít/ha.

- *Bệnh lở cổ rễ:* Bệnh gây hại nặng nhất ở giai đoạn cây con, đặc biệt phát sinh mạnh nhất trong điều kiện làm đất không kỹ, độ ẩm cao. Cây bị bệnh ở cổ rễ có lớp sợi trắng, cây bị vàng úa và bị chết.

Phòng trừ: Xử lý hạt giống trước khi gieo bằng các loại thuốc trừ nấm. Dùng các loại thuốc hoá học như Anvil 5SC, Score 250EC, Cavil 50SC... phun theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

-*Bệnh gỉ sắt:* Ở nhiệt độ 22-24°C và ẩm độ không khí cao, bệnh phát sinh mạnh nhất. Cây bị bệnh xuất hiện đốm nâu ở mặt dưới lá, đốm có dạng tròn, dạng góc cạnh hoặc bất dạng, có màu nâu vàng hoặc nâu đỏ như gỉ sắt hoặc nâu đen. Bào tử nấm phát triển trong vết bệnh, làm giảm diện tích quang hợp của lá, làm lá bị vàng, mất khả năng quang hợp, rụng sớm, làm giảm số lượng và trọng lượng hạt.

Phòng trừ bằng cách chọn giống chống chịu bệnh và bố trí thời vụ thích hợp. Sử dụng các loại thuốc như: Callihex 5SC, Cavil 50SC,... theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- *Bệnh sương mai (đốm nâu):* Bệnh gây hại các bộ phận như lá, thân, quả, nhưng chủ yếu là lá. Vết bệnh rải rác trên lá nhưng thường ở dọc các gân lá. Lúc đầu xuất hiện những chấm nhỏ màu xanh vàng xám dần; vết bệnh mở rộng hình thành đa giác, hình không cố định, cuối cùng vết bệnh có màu nâu vàng, khô cháy. Mặt dưới vết bệnh có lớp mốc trắng xám, hơi xốp, đó là các cành bào tử của nấm gây bệnh. Bóc quả bị bệnh thấy bên trong cũng có lớp nấm mốc trắng xám, hạt lép.

Phòng trừ bằng cách dùng hạt giống ở các ruộng không bị bệnh để gieo. Sau khi thu hoạch dọn sạch tàn dư trên đồng ruộng. Luân canh một vài vụ với lúa nước hoặc một vài loại rau trồng nước khác để cắt nguồn bệnh. Trong thời kỳ cây sinh trưởng có thể phun trừ bằng Ridomil Gold 68 BHN (2 - 3 kg/ha); Ridomil MZ72 BHN (2,5 - 3 kg/ha); Ridomil 5G (10 - 14 kg/ha), Zithane Z 80WP Goldsai 350WP, Vilaxyl 35BTN.

4. Thu hoạch và bảo quản

a. Thu hoạch

- Thời điểm thu hoạch: Khi trên cây có 80 - 85% quả chín (trên 2/3 số quả chuyển sang màu vàng sẫm). Thu hoạch vào ngày thời tiết nắng ráo để tiện vận chuyển và phơi. Không thu đậu vào lúc mưa, hạt dễ bị thối, mốc.

Cắt gom cây, rải phơi trên sân gạch hoặc bê tông 3 - 4 nắng, đập lấy hạt hoặc tuốt trên máy tuốt lúa đạp chân. Tiếp tục phơi hạt đến khô, độ thủy phần 10-12%.

- Phân loại: Những cây chín nhiều (khô) phơi riêng, cây còn nhiều quả xanh có thể ủ thêm 2 - 3 ngày cho chín tiếp. Cây khô đập tách lấy hạt, phân loại để bảo quản hoặc tiêu thụ.

b. Bảo quản

Nếu bảo quản dài ngày, cần phơi khô hạt trên nong, nia, cót, bạt,... đến khi hạt giống đạt độ ẩm 10 - 12% (cắn hạt không dính răng). Không phơi hạt trực tiếp trên nền xi măng, nền gạch. Gom lại hạt đậu, để nơi thoáng mát 4 - 6 giờ cho nguội, đóng bao bì, bảo quản nơi khô ráo và chủ động phòng trừ mọt đục hạt■

VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Bệnh viêm tử cung thường xảy ra đối với trâu, bò sinh sản. Bệnh gặp nhiều ở các cơ sở chăn nuôi bò sữa và bò sinh sản ở nước ta, ảnh hưởng lớn đến khả năng sản xuất của vật nuôi như: làm cho gia súc mất sữa, chậm động dục trở lại, tỷ lệ thụ thai giảm, trường hợp nặng gia súc mất khả năng sinh sản, vô sinh vĩnh viễn.

1. Nguyên nhân

- Các rối loạn nội tiết như mất cân bằng estrogen/progesteron, tăng policulin, progesteron và biến đổi bệnh lý mô bào tử cung làm cho vi khuẩn có điều kiện thuận lợi để xâm nhập, tồn tại, phát triển và gây bệnh.

- Ngoài ra, sự xâm nhiễm các loại vi khuẩn, vi rút như: lao, sảy thai truyền nhiễm... cũng sẽ làm cho trâu, bò dễ bị viêm tử cung.

- Do nhiễm vi khuẩn khi giao phối (bò đực bị viêm cơ quan sinh dục) hoặc thụ tinh nhân tạo không đảm bảo vô trùng, đẻ khó phải can thiệp, sát nhau, giãn cổ tử cung, đưa dụng cụ vào cổ tử cung không an toàn, không vệ sinh… là những yếu tố thuận lợi cho mầm bệnh xâm nhập và phát triển ở cổ tử cung gây viêm.

2. Bệnh lý và triệu chứng lâm sàng

a. Bệnh lý

Bệnh thể hiện ở các dạng: viêm cổ tử cung, viêm nội mạc có mủ, viêm tử cung tích mủ,....

Những tổn thương do thụ tinh nhân tạo, do giao phối trực tiếp, sau đẻ tạo điều kiện cho các vi khuẩn gây bệnh xâm nhập. Vi khuẩn ở niêm mạc tử cung phát triển nhanh về số lượng, gây ra ổ viêm sung huyết, có mủ, gây tróc niêm mạc và xuất huyết.

Các trường hợp nặng, vi khuẩn xâm nhập vào lớp cơ vòng của tử cung, tạo ra các ổ mủ và dịch thể lan toả trong xoang tử cung, có thể dẫn đến thủng tử cung. ☞

CÁCH PHÒNG VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH VIÊM TỬ CUNG TRÂU, BÒ

☞ ***b. Triệu chứng lâm sàng***

Tùy theo mức độ tổn thương, loại vi khuẩn, mức độ phát triển và hoạt động của vi khuẩn, sự rối loạn chức năng sinh lý và nội tiết mà có các triệu chứng lâm sàng khác nhau. Căn cứ mức độ viêm nặng hay nhẹ có thể phân loại như sau:

- Viêm nội mạc tử cung mức độ 1 (Viêm cata đơn)

Gia súc động dục bình thường, dịch tiết khi động dục có thể có những gợn trắng ở niêm dịch, niêm dịch khác thường, không đồng nhất. Cổ tử cung sưng, tụ huyết, khám trực tràng không thể phân biệt được tử cung bị bệnh hay động dục.

- Viêm nội mạc tử cung mức độ 2 (Viêm nội mạc niêm dịch có mủ)

Gia súc không động dục bình thường, niêm dịch có mủ, cổ tử cung mở rộng hay hé mở và sung huyết, sừng tử cung cong, cứng, dày. Buồng trứng bình thường, có thể vàng lưu bệnh lý.

- Viêm nội mạc tử cung mức độ 3 (Viêm nội mạc có mủ)

Viêm tử cung mức độ 3 bao gồm: Viêm cổ tử cung, viêm âm đạo và không chỉ nội mạc tử cung bị rối loạn sinh lý và tổn thương mà cả cơ trơn cũng bị viêm. Gia súc ngưng động dục, mủ chảy ra ngoài, nhiều nhất là lúc nằm. Cổ tử cung sưng, mở rộng hay hé mở, niêm mạc âm đạo sung huyết và có phủ màu trắng hay trắng vàng. Khám trực tràng thấy sừng tử cung sưng to, thành tử cung dày, tử cung kéo dài (nhất là trâu, bò cái già), buồng trứng có thể vàng lưu bệnh lý.

- Viêm tử cung tích mủ

Gia súc không động dục và thường nhầm với gia súc có chửa, có thể có trường hợp chảy mủ ra ngoài. Khám âm đạo thấy âm đạo kéo dài về phía xoang bụng vì sức nặng của tử cung chứa mủ. Cổ tử cung có thể đóng lại và bịt kín bằng dịch mủ như có chửa hoặc bị phủ chất nhầy, mủ.

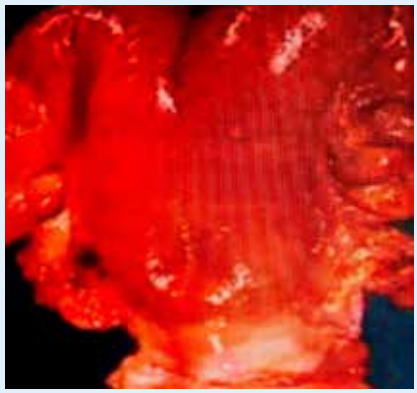

Niêm mạc tử cung bình thường

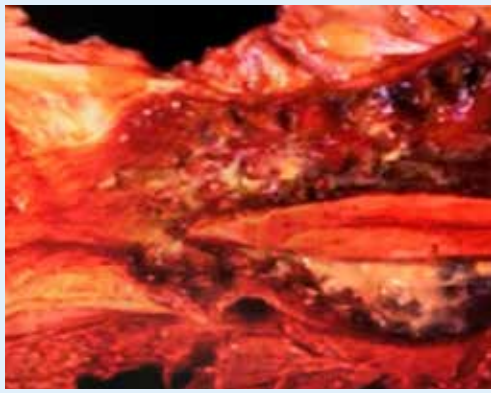

Niêm mạc tử cung bị viêm nặng, tích mủ

Cổ tử cung và âm đạo viêm, khám trực tràng thấy hai sừng tử cung tăng dung tích và kích thước. Tử cung sa xuống xoang bụng nhiều hay ít tùy thuộc và lượng mủ tích trong đó (có trường hợp 15-20 lít mủ). Khi khám có thể nhầm với có chửa nhưng không thấy có thai, không có núm nhau, không cảm nhận có nhịp đập của động mạch giữa tử cung, ở buồng trứng có thể vàng tồn tại.

3. Chẩn đoán

a. Chẩn đoán lâm sàng

Quan sát các biểu hiện lâm sàng chủ yếu như dịch nhày chảy lẫn mủ từ âm đạo chảy ra, dùng mỏ vịt kiểm tra âm đạo và tử cung.

b. Xét nghiệm vi khuẩn từ dịch âm đạo và tử cung, xác định vi khuẩn gây bệnh, làm kháng sinh đồ giúp cho việc điều trị có hiệu quả.

4. Phòng và trị bệnh

a. Phòng bệnh

Giữ vệ sinh chuồng trại và bãi chăn thả; Tắm chải cho gia súc, giữ vệ sinh cơ quan sinh dục, vùng chân sau và bầu vú; Kiểm tra gia súc hàng ngày để phát hiện bệnh và điều trị sớm; Nâng cao sức đề kháng cho gia súc.

Dụng cụ dùng thụ tinh cho gia súc phải vô trùng cẩn thận. Không cho gia súc đực có bệnh ở cơ quan sinh dục phối với gia súc cái.

Trâu, bò cái khi đẻ khó phải xử lý thì cần vô trùng dụng cụ và tay thú y viên.

b. Điều trị

- Thụt rửa tử cung âm đạo: Dùng một trong các dung dịch sau để thụt rửa: Lugon 0,1-0,15% hoặc Iodin 1% hoặc thuốc tím 0,1%. Mỗi ngày thụt rửa 1 lần, mỗi lần 300 - 500 ml dung dịch.

- Điều trị nhiễm khuẩn: Để điều trị hiệu quả, nên phối hợp kháng sinh với Sulfamid. Kháng sinh dùng Ampicillin và Kamycin hoặc Streptomycin và Penicillin; Sulfamid dùng Sulfathiazon hoặc Sulfamerazin. Liều lượng và liệu trình theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Trợ sức: Tiêm Cafein hoặc long não nước. Truyền dung dịch huyết thanh mặn, ngọt: 1.000 - 2.000 ml/con/ngày.

- Điều trị triệu chứng: Vitamin K, C (chống xuất huyết); Vitamin A, D (hồi phục tổ chức niêm mạc); Tiêm Oxytocin hoặc Prostaglin để tống đẩy các dịch tiết, làm sạch tử cung. Liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Lưu ý: Cần tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, vệ sinh chuồng trại trâu, bò trong thời gian điều trị■

TS. NGUYỄN THỊ HẢI
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

? TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Hỏi: ***Gia đình tôi có nuôi 20 con dê, trong đó có 5 con bị ho, chảy nước mũi, rụng lông, dê vẫn ăn uống bình thường. Hỏi nguyên nhân và cách khắc phục?***

Văn Chính - Sơn La

Đáp:

Dê bị viêm đường hô hấp, có thể dị ứng nên rụng lông.

Để điều trị, sử dụng một trong các loại kháng sinh sau: gentatylo, Gentamycine, Streptomycine, Lincospecto... Liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Kết hợp bổ sung vitamin, thuốc trợ sức, trợ lực.

Khi điều trị bệnh, việc tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, cải thiện môi trường nuôi, tăng thông thoáng và vệ sinh là điều quan trọng, giúp dê nhanh hồi phục.

Để thực hiện vệ sinh phòng bệnh, cần lưu ý những điểm sau:

+ Mua con giống ở những nơi an toàn bệnh để tránh dê mắc nhiều bệnh. Cách ly con ốm và con khoẻ.

+ Định kỳ tẩy uế chuồng trại và môi trường xung quanh.

+ Cho dê ăn uống tốt, bảo đảm đủ dinh dưỡng; thức ăn, nước uống phải sạch sẽ.

+ Phát hiện sớm những con dê bị bệnh, nuôi cách ly và điều trị kịp thời.

Hỏi: ***Cây bắp cải bị sâu tơ phá hoại thì xử lý như thế nào?***

Trần Minh Tân - Lâm Đồng

Đáp:

Trong phòng trừ sâu bệnh, trước hết là phải áp dụng biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp IPM. Có 2 nguyên tắc quan trọng nhất là:

+ Thứ nhất là trồng cây khỏe: phải đảm bảo gieo trồng đúng thời vụ, đúng mật độ, chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật, giúp cho cây sinh trưởng khỏe chống chịu tốt hơn với sâu bệnh.

Để phòng bệnh cho dê, người chăn nuôi cần cho ăn uống tốt, bảo đảm đủ dinh dưỡng

+ Thứ 2 là phải bảo vệ thiên địch, đó là các loài côn trùng như: bọ rùa đỏ, kiến ba khoang, ong mắt đỏ, nhện ăn thịt… Vì vậy, không được phun thuốc trừ sâu bừa bãi, chỉ phun thuốc khi sâu bệnh xuất hiện với mật độ cao trên ngưỡng kinh tế.

Đối với sâu tơ:

- Biện pháp phòng trừ là tiêu hủy tàn dư cây trồng sau thu hoạch. Trồng xen một số cây tiết ra mùi khó chịu để ngăn ngừa bướm sâu tơ như hành, tỏi. Tăng cường tưới phun mưa lúc chiều mát là biện pháp hữu hiệu hạn chế sâu tơ bắt cặp và đẻ trứng. Bảo vệ các loài thiên địch của sâu tơ như ong ký sinh, bọ đuôi kìm…

Kiểm tra đồng ruộng và phun thuốc khi mật độ sâu non trung bình 2 con/cây ở giai đoạn 2- 3 tuần sau trồng, 3 con trở lên ở giai đoạn 4 - 7 tuần sau trồng. Không phun thuốc khi sâu chưa xuất hiện ở ngưỡng trên.

Sâu tơ có khả năng kháng thuốc cao nên cần sử dụng luân phiên một số loại thuốc để tránh sâu bị nhờn thuốc.

+ Các loại thuốc sinh học gốc BT như: *Bacillus thuringiensis* var. (Delfin WG (32BIU), Biocin 16 WP);

+ *Pegasus 500SC; Sec Saigon 5ME - 10M; Angun 5WDG;*

+ Nhóm Abamectin (Abatin 1.8 EC, 5.4 EC, Agromectin 1.8 EC, Alfatin 1.8 EC, Shertin 1.8EC, 3.6EC, 5.0EC, …);

+ Abamectin + Emamectin benzoate (TC-Năm Sao 20EC, 35EC);

+ Abamectin + Matrine (Miktox 2.0 EC);

Phải đảm bảo thời gian cách ly, phun thuốc trước khi thu hoạch từ 10 đến 15 ngày theo khuyến cáo của từng loại thuốc.

Hỏi: ***Gia đình tôi có ao rộng 1000m², sâu 1,5 m, muốn nuôi chạch chung với các loại cá trắm, trôi, mè có được không, nếu được thì thả mật độ như thế nào?***

Đinh Hiếu - Tuyên Quang

Đáp:

Bạn có thể nuôi ghép cá chạch với cá trắm cỏ, cá trôi và cá mè nhưng hiệu quả sẽ không cao, bạn nên thả mật độ thưa (khoảng 1-5 con/m²). Vì cá chạch và cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè có môi trường sống, đặc điểm dinh dưỡng, sinh trưởng khác nhau, chỉ nên tận dụng tầng nước để tăng thêm thu nhập. .

Chạch nên nuôi ruộng, tốt nhất nên nuôi ghép chạch với cua đồng với mật độ 20 con/m², trong đó mật độ chạch 16 con/m², cua 4 con/m².

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU NHÃN CHÂU THÀNH

Cây nhãn là một trong những ngành hàng chủ lực và là thế mạnh của huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Đến nay, diện tích trồng nhãn trên địa bàn huyện đạt hơn 3.500 ha (chiếm 50% diện tích vườn cây ăn trái toàn huyện); trong đó, nhãn Edor là hơn 1.500 ha.

Nhãn hiệu chứng nhận là "Nhãn Châu Thành" đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận ngày 4/4/2016 cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện làm chủ sở hữu. Nhãn Châu Thành đã xuất khẩu ra nước ngoài, chủ yếu là thị trường Mỹ. Những năm gần đây, các nhà vườn đã từng bước ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, áp dụng các tiêu chuẩn GAP, VietGAP và GlobalGAP cho hơn 100 ha. Từ đó, tạo ra sản phẩm đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu xuất khẩu, góp phần nâng cao chất lượng, phát triển nhãn hiệu "Nhãn Châu Thành".

Để thương hiệu nhãn Châu Thành vươn xa đến các thị trường trong nước và xuất khẩu, huyện chọn cây nhãn Edor làm thế mạnh sản xuất. Nhãn Edor có ưu điểm là trái to, cơm dày, hạt nhỏ, vị ngọt dịu, thơm ngon, vận chuyển xa ít hư hỏng, hơn nữa cây nhãn Edor không bị bệnh chổi rồng. Nhãn Edor cho năng suất từ 17 - 18 tấn trái/ha (cây 7 - 8 năm tuổi), khả năng cho năng suất 25 - 30 tấn/ha (đối với cây từ trên 10 năm tuổi), có thể xử lý kéo dài thời gian thu hoạch của cây mà không ảnh hưởng đến chất lượng trái.

Theo TTXVN

TRÀ VINH: PHẤN ĐẤU ĐẠT SẢN LƯỢNG 375.000 TẤN DỪA VÀO NĂM 2025

Tỉnh Trà Vinh vừa ban hành kế hoạch hành động nâng cấp chuỗi giá trị dừa giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh nhằm giúp doanh nghiệp kinh doanh ngành hàng dừa và nông dân trồng dừa nâng cao hiệu quả sản xuất, với mục tiêu phấn đấu đến năm đến năm 2025, diện tích dừa của tỉnh sẽ đạt trên 25.000 ha, sản lượng trái trên 375.000 tấn/năm.

Để đạt mục tiêu đề ra, tỉnh Trà Vinh sẽ tập trung 3 nhóm giải pháp chính để nâng cấp chuỗi giá trị dừa, gồm: cải tiến công nghệ, kỹ thuật; phát triển thị trường và nâng cao vai trò hỗ trợ phát triển của các ban, ngành, dự án. Trong đó, tỉnh Trà Vinh dành hơn 12 tỷ đồng thực hiện các hoạt động hỗ trợ xây dựng đề án phát triển cây dừa, chọn giống dừa thích nghi hạn mặn, cho năng suất cao và có thị trường tiêu thụ ổn định; hỗ trợ chứng nhận vùng trồng dừa đạt tiêu chuẩn VietGAP, …Đồng thời, hình thành mạng lưới cung cấp dừa trái cho nhà máy chế biến dừa, tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại và kết nối thị trường trong, ngoài nước...

Trà Vinh là một trong những tỉnh có diện tích trồng dừa lớn của cả nước, với tổng diện tích khoảng 20.000 ha. Đây là một trong các loại cây trồng chủ lực, có lợi thế cạnh tranh được tỉnh Trà Vinh chọn nâng cấp chuỗi giá trị trong thời gian tới.

Theo Omard.gov.vn

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

NGUỒN CUNG CHÈ SỤT GIẢM Ở ẤN ĐỘ VÀ SRI LANKA

Giá chè tại Ấn Độ gần đây hồi phục do lượng bán ra thị trường sụt giảm, nhưng so với đầu năm, hiện giá vẫn thấp hơn khoảng 6%. Ngành sản xuất chè nước này lo ngại giá sẽ giảm thêm nữa trong tháng tới, khi sản lượng hồi phục.

Sản lượng chè ở miền Nam Ấn Độ năm nay dự báo giảm 25% do mưa quá nhiều trong giai đoạn tháng 7 - 8/2018. Mức độ thiệt hại có thể còn cao hơn nữa. Theo Hiệp hội Chè miền Nam, sản lượng chè khu vực này trong 8 tháng đầu năm 2018 giảm 15,1 triệu kg và rất khó hồi phục trong những tháng tới. Niên vụ năm 2017/18, miền Nam Ấn Độ sản xuất 233,65 triệu kg chè, nhưng năm nay dự kiến sẽ không đạt 210 triệu kg.

Sri Lanka cũng có thể phải hạ mục tiêu sản xuất chè năm nay sau khi sản lượng giảm 14% trong tháng 8/2018 so với cùng kỳ năm ngoái, do hạn hán kéo dài. Ủy ban Chè nước này cho biết, sản lượng 8 tháng đầu năm giảm 1,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Hạn hán hiện vẫn đang tiếp diễn. Ngành chè nước này đã từng kỳ vọng sản lượng năm 2018 sẽ đạt 320 triệu kg.

Theo Vinanet

NĂM 2019 BẮT ĐẦU CHU KỲ TĂNG GIÁ GẠO

Phát biểu tại Hội nghị Gạo thế giới lần thứ 10 ngày 11/10 tại Hà Nội, ông Shawn Hackett, Chủ tịch Công ty Hackett Financial Advisors, đưa ra dự báo năm 2019 đánh dấu chu kỳ tăng giá gạo trên toàn thế giới.

Trong vòng 4 năm tới, gạo sẽ tăng giá trong thời gian dài và đồng nhất. Những thay đổi thời tiết mà toàn thế giới đang phải đương đầu như ánh nắng mặt trời ngày càng mạnh, hiện tượng El Nino đang diễn ra sẽ khiến việc canh tác khó hơn, đẩy giá gạo tăng cao trong vòng 4 năm tới. Hackett Financial Advisors cho rằng sự thay đổi về thời tiết sẽ là cơ hội rất lớn để giá gạo đạt được ngưỡng cao của thời kỳ 2010 - 2012 và thời kỳ năm 2008. Cùng với gạo, mặt hàng lương thực nhìn chung cũng sẽ tăng giá trong vòng 4 năm tới. Các dấu hiệu tăng mua trên thị trường ngũ cốc đã xuất hiện như việc Trung Quốc đang đẩy mạnh nhập khẩu ngô.

Bên cạnh đó, Trung Quốc, Philipines cũng tăng cường nhập khẩu gạo. Đại diện đến từ Philipines cho biết đây là giai đoạn mở ra cơ hội với các nước xuất khẩu gạo vào thị trường này. Cuối tháng 10 năm nay, Phippines sẽ mở hạn ngạch nhập khẩu 250.000 tấn gạo.

Theo Vinanet